

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **4058**/DL-SVHTT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 9 năm 2022

ĐIỀU LỆ

Giải Thể thao học sinh Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2022 – 2023

Căn cứ Kế hoạch số 3399/KH-SGDĐT-SVHTT ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo - Sở Văn hóa và Thể thao về việc phối hợp tổ chức Giải Thể thao học sinh Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2022 - 2023.

Sở Văn hóa và Thể thao ban hành Điều lệ tổ chức Giải Thể thao học sinh Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2022 - 2023 với nội dung như sau:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích - Yêu cầu

1. Mục đích

- Tiếp tục duy trì và đẩy mạnh phong trào “Rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” giai đoạn 2021 - 2030; thường xuyên tổ chức tập luyện và thi đấu các môn thể thao học đường để nâng cao sức khỏe, thể chất và góp phần giáo dục toàn diện cho học sinh;

- Phát hiện tuyển chọn bổ sung lực lượng vận động viên cho các đội tuyển thể thao Thành phố tập huấn và thi đấu các giải thể thao toàn quốc năm 2023 và những năm tiếp theo;

- Huy động và phát huy tiềm năng của các tổ chức và cơ sở giáo dục, các cơ quan chuyên môn thuộc thành phố Thủ Đức và các quận, huyện, trường học trong việc chăm lo phát triển phong trào thể dục, thể thao; nâng cao trình độ tổ chức quản lý, chỉ đạo, điều hành của đội ngũ phụ trách chuyên môn, hướng dẫn viên từ cấp cơ sở trường học; quận, huyện và thành phố Thủ Đức đến cấp thành phố;

- Tăng cường phối hợp giữa ngành Giáo dục và Đào tạo - ngành Văn hóa và Thể thao với các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị, xã hội có liên quan.

2. Yêu cầu

- Các phòng, ban thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Văn hóa và Thể thao; Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng các trường trung học phổ thông, các trường phổ thông có nhiều cấp học; Trưởng phòng Văn hóa thông tin, Giám đốc

các Trung tâm Thể dục thể thao (TDTT), Trung tâm Văn hóa - Thể thao (VHTT), Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông (VHTTTT) phải quán triệt tinh thần của Chương trình phối hợp về giáo dục thể chất, thể thao học đường đến toàn thể cán bộ, huấn luyện viên, giáo viên và học sinh, nhằm tiến hành tổ chức và tham dự Giải Thể thao học sinh Thành phố năm học 2022 - 2023 theo nội dung quy định của Điều lệ này với phương châm *“Vận động đông đảo học sinh tham gia rèn luyện thể lực, tăng cường sức khỏe để đáp ứng nhiệm vụ học tập và giáo dục toàn diện cho học sinh”*;

- Giải Thể thao học sinh (TTHS) các cấp phải được tổ chức an toàn, tiết kiệm và thực hiện nghiêm Chỉ thị 15/2002/TTg ngày 26 tháng 7 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về chống tiêu cực trong các hoạt động TDTT và Chỉ thị 33/2006/CT-TTg ngày 08 tháng 9 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về chống tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục;

- Đối với công tác tổ chức cấp thành phố, khuyến khích các môn thể thao chọn địa điểm tại thành phố Thủ Đức và các quận, huyện để phối hợp tổ chức Giải theo yêu cầu tiết kiệm, an toàn và hiệu quả nhằm thực hiện tốt Cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” giai đoạn 2021-2025 tại Thành phố Hồ Chí Minh;

- Các cơ sở giáo dục phải tăng cường cơ sở vật chất, sân tập, nhà tập, các trang thiết bị, dụng cụ dạy và tập luyện thể dục, thể thao, đồng thời tạo điều kiện để các em học sinh tham gia học tập, rèn luyện thể dục, thể thao và tham gia thi đấu Giải Thể thao học sinh các cấp;

- Do tình hình dịch bệnh vẫn còn trong cộng đồng, các bộ môn thể thao cần chủ động phối hợp với các đơn vị và địa phương, điều chỉnh nội dung, quy mô tổ chức và phương thức tổ chức cho phù hợp; hoạt động của các bộ môn trong Giải Thể thao học sinh cần lưu ý đảm bảo an toàn tuyệt đối công tác phòng chống dịch bệnh theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 2. Hệ thống thi đấu

Giải Thể thao học sinh Thành phố Hồ Chí Minh được tổ chức ở 3 cấp: cấp trường học; cấp thành phố Thủ Đức và các quận, huyện; cấp thành phố.

1. Cấp trường học

a) Chịu trách nhiệm thực hiện: Ban Giám hiệu nhà trường.

b) Thời gian: bắt đầu khi học sinh đi học trở lại và kết thúc trước khi Giải TTHS cấp thành phố Thủ Đức, quận, huyện được tổ chức.

c) Đối tượng tham gia thi đấu: các học sinh đang học tại trường.

d) Công tác tổ chức:

- Ban Giám hiệu xây dựng kế hoạch tổ chức Giải TTHS cấp trường học từ 3 môn thể thao trở lên, tập trung vào các môn thể thao đang phát triển tại trường

trong đó có ít nhất một môn thể thao của Giải TTHS cấp thành phố Thủ Đức và các quận, huyện. Căn cứ vào kết quả thi đấu để tuyển chọn đội đại biểu tham dự Giải TTHS cấp thành phố Thủ Đức và các quận, huyện.

- Tùy theo điều kiện thực tế, các trường có thể phối hợp với nhau để tổ chức Giải TTHS liên trường.

2. Cấp thành phố Thủ Đức và quận, huyện

a) Chịu trách nhiệm thực hiện: Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện.

b) Thời gian: kết thúc trước khi Giải TTHS cấp thành phố tổ chức.

c) Đối tượng tham gia thi đấu: đại diện cho đội tuyển thể thao các trường học trên địa bàn thuộc đơn vị.

d) Công tác tổ chức:

- Căn cứ Điều lệ Giải TTHS cấp thành phố và tùy theo điều kiện phát triển phong trào thể thao của từng địa phương, các đơn vị xây dựng và triển khai Điều lệ Giải TTHS cho phù hợp với tình hình, đặc điểm riêng của từng đơn vị.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch, chương trình Giải TTHS cấp thành phố Thủ Đức và quận, huyện.

- Thành lập Ban Tổ chức (BTC) giải gồm: Trưởng Ban Tổ chức là lãnh đạo UBND; Thường trực BTC là lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo hoặc lãnh đạo Trung tâm TDTT, VH TT, VHTTTT; các ủy viên là lãnh đạo, chuyên viên của phòng, các trung tâm, các cơ quan, ban, ngành liên quan.

- Không khuyến khích tổ chức Lễ Khai mạc Giải TTHS cấp thành phố Thủ Đức và các quận, huyện. Nếu có, kết hợp với việc tổ chức các ngày lễ kỷ niệm hoặc các sự kiện của đơn vị vào cuối năm 2022.

- Tổ chức khen thưởng và trao giải sau khi kết thúc môn thi đấu; xây dựng báo cáo tổng kết Giải TTHS cấp thành phố Thủ Đức và các quận, huyện.

- Tuyển chọn, thành lập đội đại biểu tham dự Giải Thể thao học sinh cấp thành phố.

- Phối hợp tổ chức các môn thi đấu cấp thành phố (nếu có).

3. Cấp thành phố

a) Chịu trách nhiệm thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo - Sở Văn hóa và Thể thao.

b) Thời gian: giai đoạn I (từ 01/10/2022 đến 31/12/2022), giai đoạn II (từ 01/01/2023 đến 31/3/2023).

c) Đối tượng tham gia thi đấu: đại diện cho đội tuyển thể thao của các trường học.

d) Công tác tổ chức:

- Xây dựng Điều lệ và chương trình Giải TTHS cấp thành phố.

- Thành lập Ban Tổ chức Giải gồm: Trưởng BTC là lãnh đạo Sở Giáo dục và Đào tạo hoặc lãnh đạo Sở Văn hóa và Thể thao; các ủy viên là lãnh đạo, chuyên viên các phòng chuyên môn của hai Sở và đơn vị liên quan.

- Thành lập BTC của từng môn thể thao.

- Không khuyến khích tổ chức lễ Khai mạc Giải TTTHS cấp thành phố. Nếu có, kết hợp với liên đoàn, hội thể thao, đơn vị tài trợ tổ chức gắn với các sự kiện của Cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” giai đoạn 2021 - 2030.

- Tổ chức trao giải sau khi kết thúc môn thi đấu; tổng hợp, xây dựng báo cáo tổng kết, khen thưởng Giải TTTHS cấp thành phố.

- Tuyển chọn, thành lập đội đại biểu tham dự giải trẻ, trẻ các nhóm tuổi và Giải TTTHS cấp toàn quốc.

Chương II

GIẢI THỂ THAO HỌC SINH CẤP THÀNH PHỐ

Điều 3. Các môn thể thao thi đấu cấp thành phố (28 môn)

Điền kinh, Bơi, Bóng bàn, Bóng đá, Bóng chuyền, Bóng rổ, Bóng ném, Bắn súng, Cầu lông, Cầu mây, Cờ vua, Cờ tướng, Cử tạ, Đá cầu, Đẩy gậy, Futsal, Judo, Karatedo, Kéo co, Pencak Silat, Petanque, Quần vợt, Taekwondo, Thể dục Aerobic - Thể dục cổ động, Việt dã, Vovinam, Võ Cổ truyền, Wushu.

Điều 4. Đối tượng tham dự

1. Được tham dự

a) Các học sinh đang học tại các trường Tiểu học (TH), Trung học cơ sở (THCS), Trung học phổ thông (THPT), Trường phổ thông có nhiều cấp học của thành phố Thủ Đức và các quận, huyện; các Trường phổ thông Năng khiếu Thể dục thể thao.

b) Các học sinh đang học theo chương trình phổ thông tại các Trường công lập, bán công, dân lập, tư thục; học sinh học tại Trung tâm Giáo dục thường xuyên và các loại hình học tập khác.

- Học sinh đang hưởng chế độ đội Năng khiếu thuộc hệ thống đào tạo của Thành phố và không thuộc đối tượng quy định tại khoản b mục 2 Điều 4 Chương II của Điều lệ này.

2. Không được tham dự

a) Học sinh đang hưởng chế độ đội Trẻ, đội Tuyển thuộc hệ thống đào tạo của Thành phố. Riêng môn Futsal các VĐV thuộc hệ thống đào tạo của Thành phố đều không được tham dự.

b) Học sinh đã tham dự thi đấu giải vô địch quốc gia, quốc tế hoặc học sinh đạt huy chương vàng, bạc và đồng tại các giải trẻ, trẻ nhóm tuổi quốc gia, quốc

tế của từng môn thể thao do Tổng cục Thể dục thể thao hoặc các Liên đoàn thể thao quốc gia tổ chức từ năm 2021 trở lại đây.

3. Quy định chung

a) Mỗi cấp học, nhóm lớp học (thuộc quận, huyện, thành phố Thủ Đức) cử đại diện tối đa ba trường tham dự ở mỗi nội dung. Ngoại trừ môn Bóng đá, Futsal, nội dung đơn môn Cầu lông, cá nhân môn Cử tạ, Điền kinh, Việt dã (cụ thể trong Điều lệ riêng từng môn).

b) Mỗi trường cử đại diện một cá nhân, một đôi, một đội tham dự ở mỗi nội dung thi đấu. Ở nội dung đôi, đồng đội phải là học sinh của cùng một trường (ngoại trừ môn Bóng đá).

c) Học sinh (VDV) học tại trường nằm trên địa bàn của đơn vị nào (thành phố Thủ Đức và các quận, huyện) thì thi đấu theo các đội thể thao mang tên trường ở đơn vị đó; mỗi học sinh được đăng ký thi đấu cho một trường, ở một cấp học, nhóm lớp học và tham dự tối đa 2 môn thể thao.

d) Học sinh ở cấp học và nhóm tuổi nào thì thi đấu ở cấp học và theo nhóm tuổi đó, nếu quá tuổi theo quy định thì được phép thi đấu ở cấp học trên liền kề nhưng không được vượt tuổi quy định của cấp học đó (theo khoản 3 Điều 4 Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 11 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Điều lệ trường Trung học cơ sở, trường Trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học).

e) Học sinh phải có kết quả học lực và hạnh kiểm trong học kỳ I (hoặc học kỳ II của năm học trước) như sau: học sinh Tiểu học có kết quả xếp loại học lực ở mức Hoàn thành, hạnh kiểm Đạt trở lên; học sinh ở các cấp còn lại có kết quả xếp loại học lực từ Trung bình và hạnh kiểm từ Khá trở lên.

f) Học sinh không cần là Hội viên của các liên đoàn, hội thể thao Thành phố nhưng phải có trình độ chuyên môn theo quy định của từng môn.

g) Học sinh phải có đủ sức khỏe thi đấu môn thể thao mà học sinh đó đăng ký tham gia; có tác phong gọn gàng, vệ sinh, móng tay, móng chân cắt ngắn và không được đeo, mang vật nhọn hoặc bằng kim loại trong khi thi đấu.

h) Không thu lệ phí tham dự Giải.

Điều 5. Độ tuổi tham dự

1. Học sinh Tiểu học: 11 tuổi trở xuống (sinh sau năm 2011)

a) Nhóm lớp 1 - 3: độ tuổi 6 - 8 (sinh từ 01/01/2014 đến 31/12/2016);

b) Nhóm lớp 4 - 5: độ tuổi 9 - 10 (sinh từ 01/01/2012 đến 31/12/2013).

2. Học sinh cấp THCS: 15 tuổi trở xuống (sinh sau năm 2007)

a) Nhóm lớp 6 - 7: độ tuổi 11 - 12 (sinh từ 01/01/2010 đến 31/12/2011);

b) Nhóm lớp 8 - 9: độ tuổi: 13 - 14 (sinh từ 01/01/2008 đến 31/12/2009).

3. Học sinh cấp THPT: 18 tuổi trở xuống (sinh sau năm 2004)

Nhóm lớp 10 - 12: độ tuổi 15 - 16 - 17 (sinh từ ngày 01/01/2005 đến ngày 31/12/2007).

Điều 6. Đăng ký thi đấu

1. Hồ sơ tham dự

- Danh sách đăng ký từng môn thể thao và phiếu thi đấu của từng VĐV (theo mẫu số 2, 3);
- Bản chính hoặc bản sao trích lục Giấy khai sinh đối với học sinh từ 15 tuổi trở xuống; bản photo Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân có chứng thực đối với học sinh từ 16 tuổi trở lên;
- Giấy chứng nhận sức khỏe của từng học sinh do cơ quan y tế có thẩm quyền từ cấp thành phố Thủ Đức và quận, huyện trở lên xác nhận có đủ sức khỏe tham gia thi đấu (có giá trị trong vòng 06 tháng tính đến ngày kết thúc giải đấu);
- Tất cả các học sinh tham gia thi đấu bắt buộc phải mua bảo hiểm tai nạn; các đơn vị có thể tự mua bảo hiểm nhưng phải trình giấy chứng nhận cho Ban Tổ chức từng môn trước khi tiến hành họp bốc thăm thi đấu;
- Bản sao học bạ ở trang 1 (có ghi lý lịch trích ngang: họ tên, ngày tháng năm sinh, lớp, trường...) và trang có ghi kết quả học tập, rèn luyện, có xác nhận và đóng dấu của Hiệu trưởng (chỉ nộp trong trường hợp xảy ra khiếu kiện cần phải xác minh thực tế).

2. Đăng ký thi đấu

- Các trường nằm trên địa bàn của đơn vị nào (thành phố Thủ Đức và 21 quận, huyện) thì phối hợp với Trung tâm TDTT, Trung tâm VH-TT, Trung tâm VH-TTTT ở đơn vị đó để đăng ký tham dự Giải.
- Hồ sơ và thời hạn đăng ký thi đấu bằng văn bản được gửi về từng môn thể thao theo Điều lệ của từng môn quy định.

Điều 7. Quy định về tổ chức thi đấu

- Giải được tổ chức khi có sự tham gia tối thiểu 05 của trường từ 03 đơn vị thành phố Thủ Đức, quận, huyện trở lên.
- Mỗi nội dung phải có tối thiểu năm (05) VĐV, năm (05) đôi, năm (05) đồng đội của 05 trường từ 03 đơn vị thành phố Thủ Đức và quận, huyện tham dự trở lên mới tổ chức thi đấu. Sau khi hoàn tất thủ tục, trường hợp không thi đấu sẽ không được trao huy chương; trường hợp nội dung thi đấu không đủ số lượng theo quy định do bị loại vì vi phạm Điều lệ, thì nội dung đó vẫn được tiến hành, số huy chương vẫn được trao cho các VĐV có mặt thi đấu (Khen thưởng theo Điều 40).
- Trang phục thi đấu theo quy định của Điều lệ và Luật thi đấu của từng môn thể thao.

- Đơn vị cử học sinh tham dự thi đấu chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Ban Tổ chức Giải TTHS Thành phố về nhân sự của đơn vị.

- Căn cứ tình hình, đặc điểm và Luật thi đấu từng môn thể thao, các Bộ môn sẽ đề xuất nội dung thi đấu, thể thức thi đấu, cách tính điểm và xếp hạng.

Điều 8. Biểu tượng Giải

Tên giải và Biểu tượng của Giải Thể thao học sinh Thành phố Hồ Chí Minh (theo mẫu số 1) được thống nhất ở tất cả các môn thi, được thể hiện ở các biểu ngữ, áp phích, phong trang trí và cờ thưởng.

Chương III **NỘI DUNG THI ĐẤU**

Điều 9. Môn Bắn súng

1. Thời gian - Địa điểm

Nội dung	Thời gian	Địa điểm
- Đăng ký, kiểm tra hồ sơ	Ngày 25/02/2023	Trung tâm TDTT Hoa Lư
- Họp lãnh đội và bốc thăm	Ngày 02/3/2023	
- Tập huấn trọng tài	Ngày 03/3/2023	Trung tâm TDTT quận Bình Thạnh
- Thử sân	Ngày 03/3/2023	
- Khai mạc và thi đấu	Ngày 04 - 12/3/2023	

2. Nội dung thi đấu

- 2.1. Súng ngắn hơi (nam, nữ) THCS 6 - 7: cá nhân và đồng đội;
- 2.2. Súng ngắn hơi (nam, nữ) THCS 8 - 9: cá nhân và đồng đội;
- 2.3. Súng ngắn hơi (nam, nữ) THPT: cá nhân và đồng đội;
- 2.4. Súng trường phổ thông (nam, nữ) THCS 6 - 7: cá nhân và đồng đội;
- 2.5. Súng trường phổ thông (nam, nữ) THCS 8 - 9: cá nhân và đồng đội;
- 2.6. Súng trường phổ thông (nam, nữ) THPT: cá nhân và đồng đội;
- 2.7. Súng trường hơi (nam, nữ) THCS 6 - 7: cá nhân;
- 2.8. Súng trường hơi (nam, nữ) THCS 8 - 9: cá nhân và đồng đội;
- 2.9. Súng trường hơi (nam, nữ) THPT: cá nhân và đồng đội;
- 2.10. Súng trường hơi hỗn hợp THCS 8 - 9: đồng đội;
- 2.11. Súng trường hơi hỗn hợp THPT: đồng đội;
- 2.12. Súng ngắn hơi hỗn hợp THCS 6 - 7: đồng đội;
- 2.13. Súng ngắn hơi hỗn hợp THCS 8 - 9: đồng đội;
- 2.14. Súng ngắn hơi hỗn hợp THPT: đồng đội;

3. Thể thức thi đấu

- Tùy theo số lượng đăng ký, BTC sẽ bốc thăm sắp xếp lượt thi đấu.
- Nội dung THCS 6 - 7: mỗi VĐV bắn thử trong thời gian 8 phút và bắn thi đấu 20 viên tính điểm trong thời gian 30 phút.
- Nội dung THCS 8 - 9 và THPT: mỗi VĐV bắn thử trong thời gian 10 phút và bắn thi đấu 30 viên tính điểm trong thời gian 40 phút.

4. Luật thi đấu

- Theo luật của Liên đoàn Bắn súng Việt Nam.
- Không thực hiện bắn chung kết.

5. Các quy định khác

- Các vận động viên thi đấu nội dung đồng đội và hỗn hợp (đôi nam - nữ) sẽ mặc áo giống nhau; các nội dung Súng trường hơi phổ thông không mặc quần áo chuyên dụng; các nội dung Súng trường hơi phải mặc quần áo chuyên dụng.
- VĐV chỉ được đăng ký thi nhóm môn súng ngắn hoặc súng trường.

6. Xếp hạng

6.1. Cá nhân: căn cứ theo tổng điểm của bài bắn tiêu chuẩn để xếp hạng theo từng nội dung. Trong trường hợp đồng điểm sẽ xét theo tổng điểm 10 viên cuối trở về trước.

6.2. Đồng đội: tính tổng điểm 03 VĐV của đơn vị để xếp hạng, nội dung hỗn hợp nam nữ tính tổng điểm 02 VĐV của đơn vị để xếp hạng.

- Trong trường hợp đồng điểm sẽ xét theo tổng điểm 10 viên cuối trở về trước của 3 VĐV đăng ký trong đồng đội và xét theo tổng điểm 10 viên cuối trở về trước của 2 VĐV đăng ký trong nội dung hỗn hợp nam nữ để xếp hạng.

- Trong trường hợp đơn vị đăng ký 2 đồng đội trong 1 nội dung, chỉ trao thưởng cho 1 đồng đội có tổng điểm cao hơn.

6.3. Toàn đoàn (xếp hạng theo đơn vị trường học) tổng số huy chương vàng, bạc, đồng và trao cờ, tiền giải thưởng cho các đơn vị xếp hạng nhất, nhì, ba. Trong trường hợp đồng huy chương, đơn vị nào có VĐV đạt huy chương vàng có độ tuổi nhỏ hơn thì được xếp thứ hạng cao hơn.

Điều 10. Môn Bắn bàn

1. Thời gian - Địa điểm

Nội dung	Thời gian	Địa điểm
- Đăng ký, kiểm tra hồ sơ	16g30 ngày 20/02/2023	Trung tâm TDTT Hoa Lư, số 02 Đinh Tiên Hoàng, Quận 1
- Họp lãnh đội và bốc thăm	08g00 ngày 24/02/2023	
- Khai mạc và thi đấu	Ngày 01 - 12/3/2023	

2. Nội dung thi đấu: thi đấu ở 7 nội dung gồm đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ, đồng đội nam, đồng đội nữ cho tất cả các nhóm lớp và bậc học như sau:

2.1. Tiểu học:

- Khối lớp 1 - 3: đồng đội nam, đồng đội nữ, đơn nam và đơn nữ;
- Khối lớp 4 - 5: đồng đội nam, đồng đội nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ phối hợp, đơn nam và đơn nữ.

2.2. Trung học cơ sở:

- Khối lớp 6 - lớp 7: đồng đội nam, đồng đội nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ phối hợp, đơn nam và đơn nữ.
- Khối lớp 8 - lớp 9: đồng đội nam, đồng đội nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ phối hợp, đơn nam và đơn nữ.

2.3. Trung học phổ thông: đồng đội nam, đồng đội nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ phối hợp, đơn nam và đơn nữ.

3. Thể thức thi đấu

3.1. Giải đồng đội: thi đấu theo hệ thống Olympic 4 trận đơn và 1 trận đôi và mỗi đội 03 VĐV, mỗi VĐV chỉ được thi đấu 2 trận. Các trận đấu của nội dung Đồng đội sẽ thi đấu theo thể thức loại trực tiếp và các trận thi đấu trong trận Đồng đội sẽ diễn ra 5 ván thắng 3.

a) Thứ tự trận đấu: Đôi (B và C gặp Y và Z); A gặp X, C gặp Z ; A gặp Y, B gặp X.

b) Nếu có trên 32 đội: Thi đấu loại trực tiếp;

3.2. Giải đơn, đôi: thi đấu loại trực tiếp

- Nội dung đôi của các khối thi đấu trong 5 ván thắng 3 (các VĐV cùng đơn vị không gặp nhau ở trận đầu).

- Tiểu học và Trung học cơ sở: các trận đều thi đấu trong 5 ván thắng 3.

- Trung học phổ thông: đơn vòng loại thi đấu trong 5 ván thắng 3 và từ vòng 08 trở đi thi đấu trong 07 ván thắng 4.

4. Luật thi đấu: áp dụng Luật Bóng bàn hiện hành của Tổng cục TDTT - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (kể cả các Điều khoản bổ sung).

5. Các quy định khác

5.1. Quy định mỗi ván đấu: 11 điểm

5.2. Bóng thi đấu: Double Fish màu trắng 40+mm.

5.3. Trang phục thi đấu:

- Đồng phục trong thi đấu đồng đội và đôi;
- Trang phục không được trùng màu với màu của bóng thi đấu;
- Áo thi đấu của các vận động viên khi tham gia giải phải có tên đơn vị được in phía sau lưng.

5.4. Căn cứ để xác định chọn hạt giống:

- Nội dung đồng đội; đôi và đơn: căn cứ vào thành tích giải Thể thao học sinh Thành phố năm học 2021 - 2022.

- Các nội dung còn lại: Tiểu học; các nội dung khác bốc thăm tự do.

6. Xếp hạng

6.1. Mỗi nội dung thi đấu: theo quy định của Luật Bóng bàn hiện hành.

6.2. Toàn đoàn (theo đơn vị trường học): xếp hạng theo tổng số huy chương vàng, bạc, đồng. Trong trường hợp đồng huy chương, đơn vị nào có VĐV đạt huy chương vàng có độ tuổi nhỏ hơn thì được xếp thứ hạng cao hơn (theo tứ tự nội dung đơn, đôi, đồng đội nữ, đồng đội nam).

Điều 11. Môn Bóng chuyên

1. Thời gian - Địa điểm

Nội dung	Thời gian	Địa điểm
- Đăng ký, kiểm tra hồ sơ	Trước ngày 15/01/2023	Nhà thi đấu TDTT Phú Thọ
- Hợp lãnh đội và bốc thăm	Ngày 08/02/2023	
- Tập huấn trọng tài	Ngày 13 - 14/02/2023	
- Khai mạc và thi đấu	Ngày 15 - 28/02/2023	

2. Nội dung thi đấu

2.1. Tiểu học: Luật 4 người, lưới 2m00 (nam, nữ).

2.2. Trung học cơ sở: Luật 6 người, lưới 2m15 (nữ), 2m30 (nam).

2.3. Trung học phổ thông: Luật 6 người, lưới 2m24 (nữ), 2m43 (nam).

3. Thể thức thi đấu: Ban Tổ chức giải sẽ quyết định thể thức thi đấu tùy theo số lượng đội đăng ký tham dự.

3.1. Thi đấu theo thể thức 3 hiệp thắng 2; mỗi hiệp 25 điểm, riêng hiệp 3 thi đấu 15 điểm.

3.2. Cách tính điểm: Đội thắng 2 điểm, thua 1 điểm, bỏ cuộc 0 điểm.

3.3. Cách xếp hạng:

- Đội có nhiều trận thắng nhất xếp trên.

- Đội có điểm trận thắng nhiều hơn xếp trên.

a) Hai hay nhiều có tổng số trận bằng nhau:

- Nếu 2 đội: sẽ tính đối đầu trực tiếp.

- Nếu 3 đội trở lên: tính tổng quả thắng/tổng quả thua của các đội liên quan, đội nào có hệ số cao hơn xếp trên đến khi còn 2 đội sẽ tính đối đầu trực tiếp.

b) Trong trường hợp có đội xin thua và không đấu với bất kỳ lý do gì, BTC xem xét có ảnh hưởng kết quả của BTC hay không thì BTC sẽ quyết định.

c) Trong trường hợp có đội tự ý xin thua và không thi đấu khi chưa được BTC chấp thuận thì sẽ hủy kết quả thi đấu của đội đó tại giải.

4. Luật thi đấu: áp dụng Luật Bóng chuyền hiện hành của Tổng cục Thể dục thể thao; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (kể cả các Điều khoản bổ sung).

5. Các quy định khác

- Mỗi đội Tiểu học đăng ký tối đa 02 HLV và 8 VĐV.
- Mỗi đội Trung học cơ sở và Trung học phổ thông đăng ký tối đa 02 HLV và 12 - 14 VĐV (nếu đăng ký 14 VĐV bắt buộc phải có 2 Libero).
- Trang phục: đội tham dự phải có trang phục thống nhất theo Luật quy định, không được mặc quần dài khi thi đấu.
- Bóng thi đấu: bóng Geru Star (Tiểu học), Bóng Hunter - Động Lực (Trung học cơ sở và Trung học phổ thông).

6. Xếp hạng: theo quy định của Luật Bóng chuyền hiện hành (theo đơn vị trường học).

Điều 12. Môn Bóng đá

1. Thời gian - Địa điểm

Nội dung	Thời gian	Địa điểm
- Hạn chót đăng ký, hoàn tất hồ sơ đăng ký	- 07/10/2022: Nam Tiểu học, THCS nữ và THPT nữ - 14/10/2022 : Nam THCS 6 - 7 - 21/10/2022: Nam THCS 8 - 9 - 30/12/2022 Nam THPT	Lúc 16g30 tại Liên đoàn Bóng đá TP.HCM (HFF)
- Họp lãnh đội, bốc thăm xếp lịch thi đấu	- 12/10/2022: Nam Tiểu học, THCS nữ và THPT nữ - 19/10/2022: Nam THCS 6 - 7 - 26/10/2022: Nam THCS 8 - 9 - 05/01/2023: Nam THPT	Lúc 09g00 tại Liên đoàn Bóng đá TP.HCM (HFF)
- Thi đấu	- 27/10/2022 - 11/11/2022: Nam Tiểu học, THCS nữ và THPT nữ - 17/11/2022 - 31/11/2022: Nam THCS 6 - 7 - 05/12/2022 - 19/12/2022: Nam THCS 8 - 9 - 20/02/2023 - 06/3/2023: Nam THPT	Thông báo sau

2. Nội dung thi đấu

- 2.1. Tiểu học nam (Bóng đá mini 5 người).
- 2.2. Trung học cơ sở nữ (Bóng đá mini 5 người)
- 2.3. Trung học cơ sở nam lớp 6 - 7 (Bóng đá 07 người).
- 2.4. Trung học cơ sở nam lớp 8 - 9 (Bóng đá 07 người).
- 2.5. Trung học phổ thông nam (Bóng đá sân lớn 11 người).
- 2.6. Trung học phổ thông nữ (Bóng đá mini 5 người).

3. Số lượng đăng ký

- Các trường học được cử 01 đội nam và 01 đội nữ đại diện cho quận, huyện tham dự ở mỗi nhóm cấp học; thành phố Thủ Đức được cử 02 đội nam, 02 đội nữ tham dự ở mỗi nhóm cấp học; Trường Năng khiếu TDTT được cử 01 đội nam và 01 đội nữ tham dự ở mỗi nhóm cấp học.

- THPT nam: đăng ký 20 VĐV, 01 Trưởng đoàn, 01 HLV Trưởng, 02 HLV Phó, 01 săn sóc viên (tổng cộng 25 người).

- THCS nam lớp 6 - 7 và 8 - 9 : đăng ký 14 VĐV, 01 Trưởng đoàn, 01 HLV Trưởng, 02 HLV Phó và 01 săn sóc viên (tổng cộng 19 người).

- Tiểu học nam; THCS nữ; THPT nữ: đăng ký 12 VĐV, 01 Trưởng Đoàn, 01 HLV Trưởng, 02 HLV Phó và 01 săn sóc viên (tổng cộng 17 người).

Lưu ý:

- Được tăng cường 03 VĐV đối với Bóng đá 5 người, 04 VĐV đối với Bóng đá 07 người và 05 VĐV đối với Bóng đá 11 người của trường khác nhưng phải nằm trong cùng địa bàn thành phố Thủ Đức, quận, huyện đó.

- Danh sách đăng ký và phiếu thi đấu theo quy định của Điều lệ chung và danh sách đăng ký chuyên môn theo mẫu của Ban Tổ chức.

- Trong ngày họp chuyên môn bốc thăm xếp lịch thi đấu của từng nội dung, nếu đội nào chưa hoàn tất hồ sơ đăng ký và nộp cho Ban Tổ chức, xem như đội đó không tham dự Giải.

4. Thể thức thi đấu

- Thể thức thi đấu riêng cho từng đối tượng.

- Tùy theo số lượng đội đăng ký tham dự, giải sẽ chia vào các bảng và thi đấu vòng tròn 01 lượt ở mỗi bảng, chọn các đội có thành tích tốt của mỗi bảng vào thi đấu tứ kết (nếu có), bán kết, chung kết.

- Ở các trận thi đấu tứ kết, bán kết, chung kết: nếu sau 2 hiệp thi đấu chính thức 2 đội hòa nhau thì sẽ thi đá luân lưu (11m, 9m và 6m) để quyết định thắng bại (không thi đấu hiệp phụ).

5. Luật thi đấu

5.1. Khối THPT Nam: áp dụng Luật Bóng đá 11 người do Liên đoàn Bóng đá Việt Nam ban hành

- Mỗi trận đấu đội bóng được đăng ký 20 VĐV (11 chính thức và 9 dự bị), thay tối đa 5 vận động viên dự bị

- Không được khiếu nại đối với quyết định của trọng tài trong trận đấu: có việt vị hay không việt vị, bàn thắng hay không bàn thắng, phạt đền hay không phạt đền.

5.2. Khối Trung học cơ sở nam 6 - 7 và Trung học cơ sở nam 8 - 9: áp dụng Luật Bóng đá 7 người do Ủy ban Thể dục thể thao ban hành (Quyết định 492/QĐ-UBTDTT ngày 13 tháng 4 năm 2011).

- Mỗi trận đấu đội bóng được đăng ký 14 VĐV (7 chính thức và 7 dự bị), thay tối đa 5 vận động viên.

- Không được khiếu nại đối với quyết định của trọng tài trong trận đấu: có việt vị hay không việt vị, bàn thắng hay không bàn thắng, phạt đền hay không phạt đền.

- Quy cách vẽ sân thi đấu 07 người: để phù hợp với lứa tuổi và đảm bảo chuyên môn, quy định kích thước sân thi đấu như sau:

+ Sân thi đấu: kích thước đường biên dọc 60m, biên ngang 40m.

+ Cầu môn: cao 2m10, ngang 6m.

+ Vòng tròn giữa sân có bán kính 6m

- Khu cầu môn: từ điểm cách cột dọc 5m trên đường biên ngang của mỗi phần sân, kẻ vào phía trong 2 đoạn thẳng song song, vuông góc với đường biên ngang và có độ dài 5m, kẻ đường nối liền hai đầu đoạn thẳng đó.

- Khu phạt đền: từ điểm cách cột dọc 13m trên đường biên ngang của mỗi phần sân, kẻ vào phía trong 2 đoạn thẳng song song, vuông góc với đường biên ngang và có độ dài 13m, kẻ đường nối liền hai đầu của đoạn thẳng đó.

- Điểm phạt đền: cách điểm giữa đường biên ngang 9m. Từ điểm phạt đền làm tâm kẻ cung tròn ở ngoài khu phạt đền có bán kính 6m để xác định vị trí đứng của các cầu thủ khi thực hiện quả phạt 9m, hàng rào ở những quả phạt là 6m.

5.3. Khối Tiểu học; THCS nữ và THPT nữ:

- Áp dụng Luật thi đấu Futsal và các văn bản bổ sung, sửa đổi do Liên đoàn Bóng đá Việt Nam ban hành.

- Áp dụng “Quy định về công tác tổ chức thi đấu toàn quốc đối với các giải ngoài hệ thống Bóng đá chuyên nghiệp” do LĐBĐVN ban hành.

- Trong trường hợp nhiều cầu thủ bị đuổi hoặc bị chấn thương không thi đấu được, đội bóng nào không còn đủ 03 cầu thủ thì trận đấu sẽ dừng ngay và đội đó bị xử thua 0-3 (giữ nguyên tỷ số nếu thua nhiều hơn).

- Thẻ vàng, thẻ đỏ chỉ áp dụng trong trận đấu và không có giá trị lưu thẻ. VĐV bị thẻ đỏ chỉ nghỉ trong trận đấu đó và được tiếp tục thi đấu ở trận kế tiếp theo. Trong trường hợp thẻ đỏ lỗi bạo lực. Ban Tổ chức sẽ có thông báo kỷ luật tiếp theo.

- Mỗi trận đấu đội bóng được đăng ký 12 VĐV (5 chính thức và 7 dự bị) và thay người tự do.

5.4. Thời gian mỗi trận đấu:

- Tiểu học; THCS nữ; THPT nữ: 20' x 2 hiệp, nghỉ giữa 2 hiệp 10'

- THCS nam lớp 6 - 7: 25' x 2 hiệp, nghỉ giữa 2 hiệp 10'

- THCS nam lớp 8 - 9: 30' x 2 hiệp, nghỉ giữa 2 hiệp 10'

- THPT nam: 35' x 2 hiệp, nghỉ giữa 2 hiệp 10'

5.5. Bóng thi đấu: sử dụng bóng Động lực.

- Thi đấu sân 5 người sử dụng bóng số 4 (bóng nảy)

- THCS Nam lớp 6 - 7 sử dụng bóng số 4 (bóng nảy)

- THCS nam lớp 8 - 9 sử dụng bóng số 5

- THPT nam sử dụng bóng số 5

5.6. Trang phục:

- Khối Tiểu học; THCS nữ; THPT nữ thi đấu sân 5 người (cỏ nhân tạo) mang giày vải bata đế bằng, giày thi đấu sân cỏ nhân tạo (loại đinh nhỏ, dăm dài, lóng), không được mang các loại giày khác và phải có bọc ống chân (không có không được thi đấu).

- Khối THPT nam, Khối THCS nam lớp 8-9: thi đấu bằng giày da (giày đá bóng sân cỏ tự nhiên hoặc sân cỏ nhân tạo), không được mang các loại giày khác (bata đế bằng, giày thi đấu Futsal...) và phải có bọc ống chân (không có không được thi đấu).

- Mỗi đội bóng phải có đồng phục (áo, quần, vớ giống nhau) số áo rõ ràng khác nhau cho từng VĐV mặc cố định trong suốt quá trình giải, khi thi đấu phải mặc quần ngắn (trừ thủ môn).

- Trong mỗi trận đấu, các đội mặc màu áo chính, nếu trùng màu nhau, đội có mã số đứng trước được quyền ưu tiên chọn màu áo.

5.7. Giám sát và Trọng tài: do Liên đoàn Bóng đá Thành phố phân công làm nhiệm vụ.

5.8. Cách tính điểm, xếp hạng:

a) Tính điểm: Thắng = 3 điểm, Hòa = 1 điểm, Thua = 0 điểm.

b) Xếp hạng: căn cứ vào tổng số điểm của mỗi đội đạt được để xếp hạng.

- Nếu có từ hai đội trở lên bằng điểm nhau, trước hết tính kết quả của các trận đấu giữa các đội bằng điểm nhau theo thứ tự:

+ Số điểm của các trận đấu giữa các đội đồng điểm đó với nhau.

+ Hiệu của tổng số bàn thắng trừ tổng số bàn thua của các trận đấu giữa các đội đồng điểm đó với nhau.

+ Tổng số bàn thắng của các trận đấu giữa các đội đồng điểm đó với nhau.

- Nếu vẫn bằng nhau thì tiếp tục xét chỉ số của toàn bộ các trận đấu trong giải theo thứ tự.

+ Hiệu số của tổng số bàn thắng trừ tổng số bàn thua.

+ Tổng số bàn thắng.

+ Thi đấu luân lưu, nếu 02 đội liên quan còn thi đấu trên sân.

+ Bốc thăm

6. Các quy định khác

6.1. Về chuyên môn:

- Đội đến trễ 15 phút so với giờ thi đấu (quy định trong lịch thi đấu) sẽ bị xử thua 0-3.

- VĐV đến trễ giờ phải đến trình diện với BTC để làm thủ tục kiểm tra hồ sơ nhân sự ngay khi vừa đến sân, sau đó mới được vào thi đấu.

- VĐV thẻ hình bị dị tật không được đăng ký thi đấu.

- VĐV không được mang kính thi đấu (không chấp nhận viết giấy cam kết để được thi đấu), muốn được thi đấu phải mang kính chuyên dụng bằng nhựa dẻo.

- Trường hợp đội thắng vào bán kết bị loại vì vi phạm Điều lệ giải thì đội thua trận bán kết đó sẽ được quyền vào thi đấu trận chung kết với đội thắng trận bán kết còn lại.

6.2. Về kỷ luật: áp dụng Luật thi đấu của FIFA; Văn bản: “Quy chế Bóng đá ngoài chuyên nghiệp”; Văn bản: “Quy định kỷ luật” của Liên đoàn Bóng đá Việt Nam và các văn bản bổ sung, sửa đổi do Liên đoàn Bóng đá Việt Nam ban hành.

- Đội bóng có các hành vi vi phạm làm cho trận đấu không tiếp tục được, đội bóng sẽ bị xử thua 0-3 trận đấu đó (nếu thua nhiều hơn thì giữ nguyên tỷ số), tùy mức độ vi phạm mà có thể bị loại khỏi Giải. Giám sát triệu tập cuộc họp sau trận đấu, lập biên bản và báo cáo với BTC Giải.

- Trong quá trình thi đấu đội bóng tự ý rút lui khỏi Giải hoặc tự ý bỏ cuộc, đội bóng sẽ bị loại ra khỏi Giải. Toàn bộ kết quả thi đấu của đội bóng khác đối với đội bóng này đều bị hủy bỏ.

- Đối với khối THCS nam khối 8-9 và THPT nam: cầu thủ bị phạt 02 thẻ vàng trong quá trình thi đấu giải sẽ bị đình chỉ thi đấu trận kế tiếp, cũng áp dụng như vậy với thẻ vàng thứ 4, thứ 6... cầu thủ bị phạt thẻ đỏ 2 thẻ vàng trong trận đấu, thẻ đỏ trực tiếp (thẻ đỏ không được trở lại sân thi đấu) trong quá trình thi đấu giải sẽ bị đình chỉ thi đấu ít nhất 02 trận kế tiếp, trường hợp nghiêm trọng BTC sẽ có quyết định kỷ luật cao hơn.

7. Xếp hạng: theo quy định của Luật Bóng đá hiện hành (theo đơn vị trường học).

Điều 13. Môn Bóng ném

1. Thời gian - Địa điểm

Nội dung	Thời gian	Địa điểm
- Đăng ký, kiểm tra hồ sơ	Ngày 07/02/2023	Nhà Thi đấu Nguyễn Tri Phương, Quận 10
- Nộp hồ sơ thi đấu	11g30 ngày 13/02/2023	
- Họp lãnh đội và bốc thăm	09g00 ngày 14/02/2023	Trung tâm HL&TĐ TDTT TPHCM
- Khai mạc và thi đấu	Ngày 01 - 31/03/2023	Trung tâm TDTT Quận 6, Quận 10, Quận Bình Thạnh

2. Nội dung thi đấu

2.1. Tiểu học;

2.2. Trung học cơ sở: lớp 6 - 7 và 8 – 9;

2.3. Trung học phổ thông.

3. Thể thức thi đấu: tùy theo số lượng đăng ký, Ban Tổ chức sẽ bốc thăm sắp xếp lượt thi đấu.

4. Luật thi đấu: áp dụng Luật Bóng ném Việt Nam năm 2011 của Tổng cục Thể dục thể thao ban hành.

5. Các quy định khác

- Đội có VĐV không đăng ký trong phiếu thi đấu nhưng lại vào sân thi đấu, Đội đó sẽ bị Ban Tổ chức truất quyền thi đấu suốt Giải.

- Cảnh báo hoặc tước quyền thi đấu đối với VĐV, CĐV, HLV không chấp hành và chuẩn bị tác phong đúng theo quy định (chậm trễ, trì hoãn, không đồng phục, áo không số trước ngực, không mang giày...).

- Đội tự ý dừng trận đấu quá 5 phút (xem như tự ý bỏ cuộc). Đội bỏ cuộc sẽ bị truất quyền thi đấu suốt giải và xóa kết quả các trận đấu trước đó (nếu có).

- Truất quyền thi đấu 1 trận kế tiếp các VĐV nào không nghiêm túc làm thủ tục kết thúc trận đấu.

- Sau tiếng còi kết thúc trận đấu, VĐV vi phạm các lỗi phản thể thao (như cời áo, ném bóng mạnh xuống sân với thái độ hằn học, la lối...) sẽ bị trong tài phạt thẻ đỏ có báo cáo và bị truất quyền thi đấu 1 trận kế tiếp.

- Mọi hành vi, lời nói xúc phạm đến Trọng tài, thành viên Ban Tổ chức, HLV và VĐV đội bạn đều bị phạt thẻ đỏ có báo cáo.

- Bóng thi đấu: do Ban Tổ chức giải cung cấp.

6. Xếp hạng: theo quy định của Luật Bóng ném hiện hành (theo đơn vị trường học).

Điều 14. Môn Bóng rổ

1. Thời gian - Địa điểm

Nội dung	Thời gian	Địa điểm
- Đăng ký, kiểm tra hồ sơ	Hạn chót lúc 11g00 ngày 06/02/2023	Nhà thi đấu TDTT Phú Thọ, số 221 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11.
- Họp lãnh đội và bốc thăm	08g00 ngày 15/02/2023	
- Thi đấu	Ngày 26/02 - 19/03/2023	

2. Nội dung thi đấu

2.1. Tiểu học;

2.2. Trung học cơ sở lớp 6 - 7 và 8 - 9;

2.3. Trung học phổ thông.

3. Thể thức thi đấu

3.1. Đối với Nam:

a) Chia thành 2 bảng nếu có 8 đội trở xuống hoặc nhiều bảng nếu có 9 đội trở lên và tiến hành thi đấu theo thể thức vòng tròn tính điểm.

b) Vòng bán kết, chung kết (vòng 2)

- 2 đội xếp nhất, nhì mỗi bảng sẽ vào thi đấu chéo; 2 đội thắng gặp nhau tranh nhất nhì; 2 đội thua đồng hạng ba.

- Nếu có từ 3 bảng trở lên, mỗi bảng sẽ chọn 1 đội nhất hoặc 2 đội nhất nhì bảng vào bốc thăm thi đấu vòng trong theo thể thức loại trực tiếp.

3.2. Đối với Nữ:

- Nếu có 5 đội trở xuống thì sẽ tiến hành thi đấu vòng tròn 1 lượt để xếp hạng chung cuộc.

- Nếu có 6 đội trở lên thì sẽ chia làm 2 bảng thi đấu vòng tròn; 2 đội xếp nhất, nhì mỗi bảng sẽ vào thi đấu chéo; 2 đội thắng gặp nhau tranh nhất, nhì; 2 đội thua đồng hạng ba.

3.3. Cách tính điểm:

- Thắng được 2 điểm, thua được 1 điểm.

- Nếu có đội bỏ cuộc thì kết quả các trận đấu giữa đội bỏ cuộc với các đội khác đều bị hủy bỏ và đội bỏ cuộc không được thi đấu các trận còn lại.

- Nếu có 2 đội bằng điểm thì đội nào thắng trong trận gặp nhau giữa 2 đội đó sẽ xếp hạng cao hơn.

- Nếu có 3 đội trở lên bằng điểm thì đội nào có tổng số bàn thắng chia cho tổng số bàn thua lớn hơn sẽ xếp hạng cao hơn (chỉ tính các trận giữa các đội đó với nhau). Trường hợp vẫn bằng nhau thì đội nào có tổng số bàn thắng nhiều hơn sẽ xếp hạng cao hơn nếu vẫn bằng nhau sẽ tiến hành bốc thăm để xác định thứ hạng.

4. Luật thi đấu: áp dụng Luật Bóng rổ quốc tế hiện hành

5. Các quy định khác

5.1. Mỗi đội được đăng ký 01 Trưởng đoàn, 01 chỉ đạo viên, 01 săn sóc viên, 02 huấn luyện viên và 14 VĐV.

5.2. Bóng thi đấu: do Ban Tổ chức quy định theo Luật.

5.3. Quy định chuyên môn:

- HLV của đội bóng phải tốt nghiệp trường Đại học - Cao Đẳng TDTT, hoặc có giấy chứng nhận đã qua các lớp huấn luyện và bồi dưỡng do Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố (trước đây là Sở Thể dục thể thao; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) hoặc do Liên đoàn Bóng rổ cấp.

- Tất cả các hồ sơ của VĐV phải được xếp gọn trong hồ sơ đăng ký theo mẫu của Điều lệ chung, Ngoài ra mỗi VĐV phải có 1 phiếu thi đấu theo mẫu có dán ảnh mới nhất. Hồ sơ đăng ký và thẻ phải đánh máy rõ ràng, không được viết tay.

6. Xếp hạng: theo quy định của Luật Bóng rổ hiện hành (theo đơn vị trường học).

Điều 15. Môn Bơi lội

1. Thời gian - Địa điểm

Nội dung	Thời gian	Địa điểm
- Đăng ký, kiểm tra hồ sơ	10g00 ngày 21/2/2023	TT. TTDN Yết Kiêu, số 01 Nguyễn Thị Minh Khai, Q1

- Hợp lãnh đội và bốc thăm	9g00 ngày 28/2/2023	CLB Bơi lội Phú Thọ
- Thi đấu	Ngày 06 - 11/3/2023	

2. Nội dung thi đấu

Cấp	Tự do	Ếch	Ngựa	Bướm	Hỗn hợp	TS tự do	TS hỗn hợp
Tiểu học Lớp 1-2	50-100	50-100	50-100	50		4x50	4x50
Tiểu học Lớp 3-5	50-100- 200	50-100- 200	50-100- 200	50-100	200	4x50	4x50
THCS lớp 6-7	50-100- 200-400	50-100- 200	50-100- 200	50-100- 200	200	4x50	4x50
THCS lớp 8-9	50-100- 200-400	50-100- 200	50-100- 200	50-100- 200	200	4x100	4x100
THPT	50-100- 200-400	50-100- 200	50-100- 200	50-100- 200	200	4x100	4x100

3. Thể thức thi đấu: thi đấu cá nhân và đội tiếp sức.

4. Luật thi đấu: áp dụng Luật Bơi lội hiện hành của Tổng cục Thể dục thể thao.

5. Quy định khác: mỗi vận động viên chỉ được quyền tham gia 04 cự ly cá nhân, không kể ở nội dung tiếp sức. Nội dung Tiếp sức, mỗi đội gồm 04 VĐV chính thức và 01 VĐV dự bị.

6. Cách xếp hạng: theo quy định của Luật Bơi lội hiện hành

6.1. Cá nhân, tiếp sức: huy chương vàng, bạc, đồng. Nếu thành tích cá nhân, tiếp sức từng nội dung của các VĐV bằng nhau thì VĐV có độ tuổi nhỏ hơn được xếp trên (căn cứ theo ngày, tháng, năm sinh).

6.2. Toàn đoàn (theo đơn vị trường học): xếp hạng theo tổng số huy chương vàng, bạc, đồng. Trong trường hợp đồng huy chương, đơn vị nào có VĐV đạt huy chương vàng có độ tuổi nhỏ hơn thì được xếp thứ hạng cao hơn.

Điều 16. Môn Cầu lông

1. Thời gian - Địa điểm

Nội dung	Thời gian	Địa điểm
- Đăng ký, kiểm tra hồ sơ	Hạn chót 11g00 ngày 23/12/2022	Sở Văn hóa và Thể thao TPHCM
- Hợp lãnh đội và bốc thăm	14g30 ngày 30/12/2022	Nhà Tập luyện thể thao Phú Thọ
- Tập huấn trọng tài	Ngày 04/01/2023	
- Thi đấu	Ngày 05 - 15/01/2023	

2. Nội dung thi đấu: đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ và đôi nam nữ cho tất cả các nhóm cấp học. (Riêng cấp Tiểu học, Nhóm lớp 4 - 5 không tổ chức thi đấu nội dung đôi nam nữ và Nhóm lớp 1 - 3 chỉ thi đấu 02 nội dung đơn nam và đơn nữ)

2.1. Học sinh Tiểu học: 11 tuổi trở xuống (sinh sau năm 2011)

- a) Nhóm lớp 1 - 3: độ tuổi 6 - 8 (sinh từ 01/01/2014 đến 31/12/2016);
- b) Nhóm lớp 4 - 5: độ tuổi 9 - 10 (sinh từ 01/01/2012 đến 31/12/2013).

2.2. Học sinh cấp THCS: 15 tuổi trở xuống (sinh sau năm 2007)

- a) Nhóm lớp 6 - 7: độ tuổi 11 - 12 (sinh từ 01/01/2010 đến 31/12/2011);
- b) Nhóm lớp 8 - 9: độ tuổi: 13 - 14 (sinh từ 01/01/2008 đến 31/12/2009).

2.3. Học sinh cấp THPT: 18 tuổi trở xuống (sinh sau năm 2004)

Nhóm lớp 10 - 12: độ tuổi 15 - 16 - 17 (sinh từ ngày 01/01/2005 đến ngày 31/12/2007).

3. Số lượng đăng ký

- Nội dung đơn: mỗi cấp học, nhóm lớp học (thuộc thành phố Thủ Đức và các quận, huyện), các Trường Năng khiếu TDTT cử đại diện tối đa 04 VĐV tham dự ở mỗi nội dung.

- Nội dung đôi, đồng đội: theo mục 3 Điều 4 Chương II của Điều lệ này.

- Mỗi VĐV chỉ được tham dự thi đấu tối đa 02 nội dung.

4. Thể thức thi đấu

- Thi đấu theo thể thức loại trực tiếp một lần thua.

- Các trận đều thi đấu 3 ván, thắng 2.

5. Luật thi đấu: áp dụng Luật Cầu lông hiện hành của Tổng cục Thể dục thể thao; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các Điều luật bổ sung, thay thế của Liên đoàn Cầu lông thế giới.

6. Các quy định khác

6.1. Đối với vận động viên:

- Các VĐV thi đấu phải mặc áo có in tên đơn vị mình phía sau lưng với chiều cao tối thiểu 5cm và tối đa là 10cm. Tên/logo tài trợ phải nằm phía dưới tên đơn vị.

- Nội dung thi đấu đôi, các VĐV của cùng một đơn vị phải mặc áo cùng màu.

- Ngoài trang phục theo quy định, các VĐV có thể mặc đồng phục thể dục của Trường (có logo trường trước ngực hoặc tên trường phía sau lưng áo).

- Các trường hợp dán tên và viết tên đơn vị phía sau lưng áo xem như không hợp lệ và không được thi đấu.

- Trường hợp VĐV bỏ cuộc, xin thua, chấn thương không hoàn thành ở nội dung đang thi đấu, vận động viên đó sẽ không được tiếp tục thi đấu nội dung còn lại đã đăng ký.

6.2. Đối với huấn luyện viên:

- Chỉ có Lãnh đội, huấn luyện viên, cộng tác viên có tên đăng ký trong danh sách đăng ký mới được quyền chỉ đạo trên sân.

- Người chỉ đạo phải ngồi đúng vị trí do Ban Tổ chức quy định (không được quyền tự ý thay đổi).

- Không được chỉ đạo khi cầu đang trong cuộc hoặc làm VĐV đối phương mất tập trung, làm gián đoạn, trì hoãn trận đấu. Không được hô cầu trong sân (IN) hoặc ngoài sân (OUT) khi quả cầu còn đang trong cuộc.

- Phải mặc quần dài, mang giày thể thao khi chỉ đạo trận đấu, Ban Tổ chức là người quyết định trang phục của HLV chỉ đạo có phù hợp hay không.

7. Xếp hạng

7.1. Mỗi nội dung thi đấu: theo quy định của Luật Cầu lông hiện hành.

7.2. Toàn đoàn (theo đơn vị trường học): xếp hạng theo tổng số huy chương vàng, bạc, đồng. Trong trường hợp đồng huy chương, đơn vị nào có VĐV đạt huy chương vàng có độ tuổi nhỏ hơn thì được xếp thứ hạng cao hơn.

Điều 17. Môn Cầu mây

1. Thời gian - Địa điểm

Nội dung	Thời gian	Địa điểm
- Đăng ký, kiểm tra hồ sơ	Hạn chót ngày 16/02/2023	Sở Văn hóa và Thể thao TPHCM
- Họp lãnh đội và bốc thăm	09g00 ngày 20/02/2023	Nhà thi đấu TDTT Phú Thọ
- Thi đấu	Ngày 24/02 - 06/3/2023	NTĐ Bình Phú - Quận 6

2. Nội dung thi đấu

Đội tuyển 4 người, đội tuyển 3 người; đôi nam, đôi nữ và các nhóm lớp - bậc học như sau: Khối Tiểu học, Trung học cơ sở lớp 6 - 7, Trung học cơ sở lớp 8 - 9 và Trung học phổ thông.

3. Thể thức thi đấu

- Nếu có từ 5 đội trở xuống thì tiến hành thi đấu theo thể thức vòng tròn một lượt tính điểm để xếp hạng.

- Nếu có đủ 6 đội sẽ chia thành 2 bảng, các bảng thi đấu vòng tròn một lượt chọn đội nhất, nhì bảng vào thi đấu chéo bán kết và chung kết.

- Nếu có từ 7 đội trở lên sẽ tiến hành thể thức thi đấu loại trực tiếp một lần thua.

- Quy định trong thể thức thi đấu loại trực tiếp một lần thua. Các đội cùng một đơn vị không gặp nhau trong trận đầu tiên ở mỗi bảng.

4. Luật thi đấu: áp dụng Luật Cầu mây hiện hành của Liên đoàn Cầu mây Việt Nam.

5. Các quy định khác

5.1. Cầu thi đấu và mức lưới:

- Cầu Marathon MT 909 và mức lưới 1m45 dành cho Tiểu học.
- Cầu Marathon MT 909 và mức lưới 1m45 dành cho nữ Trung học cơ sở và Trung học phổ thông.
- Cầu Marathon MT 908 và mức lưới 1m55 dành cho nam Trung học cơ sở và Trung học phổ thông.

5.2. Đối với vận động viên:

- Mỗi VĐV chỉ được đăng ký tham dự tối đa 02 nội dung.
- Các VĐV thi đấu phải mặc áo có in số trước ngực và tên đơn vị mình phía sau lưng với chiều cao tối thiểu 5cm và tối đa là 10cm. Tên/logo tài trợ phải nằm phía dưới tên đơn vị. Các trường hợp dán tên và viết tên đơn vị phía sau lưng áo xem như không hợp lệ và không được thi đấu.
- Nội dung thi đấu đội tuyển và đôi các VĐV của cùng đơn vị phải mặc trang phục cùng màu.

5.3. Đối với huấn luyện viên:

- Chỉ có Lãnh đội, huấn luyện viên, cộng tác viên có tên đăng ký trong danh sách đăng ký mới được quyền chỉ đạo trên sân.
- Người chỉ đạo phải ngồi đúng vị trí do Ban Tổ chức quy định (không được quyền tự ý thay đổi).
- Không được chỉ đạo khi cầu đang trong cuộc hoặc làm VĐV đối phương mất tập trung, làm gián đoạn, trì hoãn trận đấu. Không được hô cầu trong sân (IN) hoặc ngoài sân (OUT) khi quả cầu còn đang trong cuộc.
- Phải mặc quần dài, mang giày thể thao khi chỉ đạo trận đấu, BTC là người quyết định trang phục của người chỉ đạo có phù hợp hay không.

5.4. Tính điểm: xếp hạng trong thi đấu vòng tròn 1 lượt

- a) Đội có trận thắng = 1 điểm, đội thua = 0 điểm.
- b) Đội có tổng điểm toàn giải cao hơn được xếp hạng trên.
- c) Hai đội có tổng số điểm bằng nhau thì đội nào thắng trong trận đối đầu trực tiếp thì xếp hạng trên.
- d) Ba đội trở lên có số điểm bằng nhau (trường hợp này chỉ tính đến kết quả thi đấu giữa các đội bằng điểm với nhau), theo trình tự:
 - Đội nào có hiệu số của tổng hiệp thắng thua lớn hơn thì được xếp hạng trên.

- Nếu vẫn bằng nhau thì tính đến thương số tổng điểm thắng chia cho tổng điểm thua (tính đến phần ngàn) đội nào có điểm lớn hơn thì được xếp hạng trên.
- Nếu vẫn bằng nhau thì áp dụng hình thức bốc thăm xếp hạng.

6. Xếp hạng

6.1. Mỗi nội dung thi đấu: theo quy định của Luật Cầu mây hiện hành

6.2. Toàn đoàn (theo đơn vị trường học): xếp hạng theo tổng số huy chương vàng, bạc, đồng. Trong trường hợp đồng huy chương, đơn vị nào có VĐV đạt huy chương vàng có độ tuổi nhỏ hơn thì được xếp thứ hạng cao hơn.

Điều 18. Môn Cờ tướng

1. Thời gian - Địa điểm

Nội dung	Thời gian	Địa điểm
- Đăng ký, kiểm tra hồ sơ	Hạn chót ngày 02/3/2023	Trung tâm Thể dục thể thao Quận 1
- Họp lãnh đội và bốc thăm	02/3/2023	
- Thi đấu	Ngày 04 - 19/3/2023	

2. Nội dung thi đấu: Cờ tiêu chuẩn, Cờ nhanh

2.1. Tiểu học lớp 1 - 3 và 4 - 5: 12 bộ huy chương (08 bộ huy chương cá nhân, 04 bộ huy chương đồng đội).

2.2. Trung học cơ sở lớp 6 - 7 và 8 - 9: 12 bộ huy chương (08 bộ huy chương cá nhân, 04 bộ huy chương đồng đội).

2.3. Trung học phổ thông: 06 bộ huy chương (04 bộ huy chương cá nhân, 02 bộ huy chương đồng đội).

3. Thể thức thi đấu

- Cá nhân: thi đấu theo hệ Thụy sĩ 7 ván; mỗi bên 90 phút đối với cờ tiêu chuẩn, 15 phút đối với cờ nhanh.

- Đồng đội: thi đấu loại trực tiếp, mỗi bên có 15 phút để hoàn thành ván cờ.

4. Luật thi đấu: áp dụng Luật Cờ tướng hiện hành.

5. Quy định khác: mỗi trường đăng ký 5 VĐV ở mỗi nội dung đồng đội.

6. Xếp hạng: theo quy định của Luật Cờ tướng hiện hành.

6.1. Cá nhân: theo điểm, tổng điểm đối kháng giữa các vận động viên cùng nhóm điểm, hệ số lũy tiến, số ván thắng, số ván cầm quân đen, số ván thắng bằng quân đen, ván giữa các đấu thủ (nếu gặp nhau) và màu quân của ván này; Nếu vẫn bằng nhau thì bốc thăm xác định thứ hạng.

6.2. Đồng đội: đối kháng đồng đội theo thể thức loại trực tiếp một lần thua.

6.3. Toàn đoàn (theo đơn vị trường học): theo tổng số huy chương vàng, bạc và đồng đạt được của các đơn vị

Điều 19. Môn Cờ vua**1. Thời gian - Địa điểm**

Nội dung	Thời gian	Địa điểm
- Đăng ký, kiểm tra hồ sơ	Hạn chót ngày 03/11/2022	Trung tâm Thể dục thể thao Quận 1
- Họp lãnh đội và bốc thăm	Ngày 03/11/2022	
- Thi đấu	Ngày 05 - 20/11/2022	

2. Nội dung thi đấu: Cờ tiêu chuẩn, Cờ nhanh

2.1. Tiểu học lớp 1 - 3 và 4 - 5: 12 bộ huy chương (08 bộ huy chương cá nhân, 04 bộ huy chương đồng đội)

2.2. Trung học cơ sở lớp 6 - 7 và 8 - 9: 12 bộ huy chương (08 bộ huy chương cá nhân, 04 bộ huy chương đồng đội).

2.3. Trung học phổ thông: 06 bộ huy chương (04 bộ huy chương cá nhân, 02 bộ huy chương đồng đội).

3. Thể thức thi đấu

- Thi cá nhân, đồng đội.

- Cá nhân: thi đấu theo hệ Thụy sĩ 7 ván; mỗi bên 90 phút đối với cờ tiêu chuẩn, 15 phút đối với cờ nhanh.

- Đồng đội: thi đấu loại trực tiếp, mỗi bên có 15 phút để hoàn thành ván cờ.

4. Luật thi đấu: theo Luật Cờ vua của Liên đoàn Cờ Việt Nam**5. Quy định khác:** mỗi trường đăng ký 5 VĐV ở mỗi nội dung đồng đội**6. Xếp hạng:** theo quy định của Luật Cờ vua hiện hành.

6.1. Cá nhân: theo điểm, tổng điểm đối kháng giữa các vận động viên cùng nhóm điểm, hệ số lũy tiến, số ván thắng, số ván cầm quân đen, số ván thắng bằng quân đen, ván giữa các đấu thủ (nếu gặp nhau) và màu quân của ván này; Nếu vẫn bằng nhau thì bốc thăm xác định thứ hạng.

6.2. Đồng đội: đối kháng đồng đội theo thể thức loại trực tiếp một lần thua.

6.3. Toàn đoàn (theo đơn vị trường học): theo tổng số huy chương vàng, bạc và đồng đạt được của các đơn vị.

Điều 20. Môn Cử tạ**1. Thời gian - Địa điểm**

Nội dung	Thời gian	Địa điểm
- Đăng ký, kiểm tra hồ sơ	Đến hết ngày 10/02/2023	Liên đoàn Cử tạ - Thể hình TPHCM (Nhà Tập luyện Thể thao Phú Thọ, số 219
- Họp lãnh đội và bốc thăm	Ngày 20/02/2023	

- Tập huấn trọng tài	Ngày 21/02/2023	Lý Thường Kiệt, Quận 11)
- Thi đấu	Ngày 22 - 24/02/2023	Nhà thi đấu TDTT Phú Thọ

2. Nội dung thi đấu

2.1. Trung học cơ sở: lớp 6 - 7

- Hạng cân Nam: 50kg - 56kg - 63kg & Trên 63kg

- Hạng cân Nữ: 43kg - 49kg - 55kg & Trên 55kg

2.2. Trung học cơ sở: lớp 8 - 9

- Hạng cân Nam: 55kg - 61kg - 67kg & Trên 67kg

- Hạng cân Nữ: 45kg - 50kg - 58kg & Trên 58kg

3. Số lượng đăng ký

3.1. Nội dung cá nhân: mỗi nhóm lớp học (thuộc thành phố Thủ Đức và các quận, huyện); mỗi Trường Năng khiếu TDTT cử đại diện tối đa 05 VĐV tham dự ở mỗi nội dung.

3.2. Nội dung đồng đội: theo mục 3 Điều 4 Chương II của Điều lệ này.

4. Thể thức thi đấu

- Thi đấu xếp hạng từng nội dung cử giật, cử đẩy và tổng thành tích từng hạng cân nam, nữ của cả 02 khối học.

- Thi đấu xếp hạng đồng đội nữ: THCS khối 6 - 7 và khối 8 - 9.

- Thi đấu xếp hạng đồng đội nam: THCS khối 6 - 7 và khối 8 - 9.

- Thi đấu xếp hạng toàn đoàn.

5. Luật thi đấu: áp dụng Luật Cử tạ hiện hành

6. Các quy định khác: không

7. Xếp hạng

7.1. Cách đánh giá và xếp hạng: xác định điểm đồng đội nam, nữ ở từng nội dung cử đẩy, cử giật và tổng thành tích theo thang điểm sau:

Hạng	Điểm	Hạng	Điểm	Hạng	Điểm	Hạng	Điểm	Hạng	Điểm
1	28	6	20	11	15	16	10	21	05
2	25	7	19	12	14	17	09	22	04
3	23	8	18	13	13	18	08	23	03
4	22	9	17	14	12	19	07	24	02
5	21	10	16	15	11	20	06	25	01

7.2. Mỗi nội dung thi đấu: theo quy định của Luật Cử tạ hiện hành.

7.3. Toàn đoàn (theo đơn vị trường học): xếp hạng theo tổng số huy chương vàng, bạc, đồng. Trong trường hợp đồng huy chương, đơn vị nào có VĐV đạt huy chương vàng có độ tuổi nhỏ hơn thì được xếp thứ hạng cao hơn.

Điều 21. Môn Đá cầu

1. Thời gian - Địa điểm

Nội dung	Thời gian	Địa điểm
- Đăng ký, kiểm tra hồ sơ	Hạn chót ngày 24/02/2023	Sở Văn hóa và Thể thao TP.HCM
- Họp lãnh đội và bốc thăm	08h30 Ngày 03/03/2023	Trung tâm VH-TT Quận 6
- Thi đấu	Ngày 10 - 20/03/2023	NTĐ Bình Phú, Quận 6

2. Nội dung thi đấu

Đơn nam, đơn nữ; đôi nam, đôi nữ; đôi nam nữ; đội tuyển 3 nam và đội tuyển 3 nữ cho các giới tính và các nhóm lớp - bậc học như sau: Khối Tiểu học; Trung học cơ sở lớp 6 - 7; Trung học cơ sở lớp 8 - 9; Trung học phổ thông.

3. Số lượng đăng ký

- Đội tuyển 03 người (đăng ký và thi đấu 06 VĐV);
- Mỗi VĐV chỉ được đăng ký tham dự tối đa 02 nội dung.

4. Thể thức thi đấu

- Nếu có từ 5 đội trở xuống thì tiến hành thi đấu theo thể thức vòng tròn một lượt tính điểm để xếp hạng.

- Nếu có đủ 6 đội sẽ chia thành 2 bảng, các bảng thi đấu vòng tròn một lượt chọn đội nhất, nhì bảng vào thi đấu chéo bán kết và chung kết.

- Nếu có từ 7 đội trở lên sẽ tiến hành thể thức thi đấu loại trực tiếp 1 lần thua. Quy định trong thể thức thi đấu loại trực tiếp 1 lần thua. Các VĐV cùng một đơn vị không gặp nhau trong trận đầu tiên ở mỗi bảng.

5. Luật thi đấu: Luật Đá cầu hiện hành của Tổng cục TDTT.

6. Các quy định khác

6.1. Cầu thi đấu và mức lưới:

- Cầu đá ĐLS (Cầu thi đấu giải quốc gia).
- Mức lưới 1m40 dành cho Tiểu học và Trung học cơ sở.
- Mức lưới 1m50 dành cho nữ Trung học phổ thông.
- Mức lưới 1m60 dành cho nam Trung học phổ thông.

6.2. Đối với vận động viên:

- Các VĐV thi đấu phải mặc áo có in số trước ngực và tên đơn vị mình phía sau lưng với chiều cao tối thiểu 5cm và tối đa là 10cm. Tên/logo tài trợ phải nằm phía dưới tên đơn vị. Các trường hợp dán tên và viết tên đơn vị phía sau lưng áo xem như không hợp lệ và không được thi đấu.

- Ở nội dung thi đấu đội tuyển 3 và đôi các VĐV của cùng đơn vị phải mặc trang phục cùng màu.

6.3. Đối với huấn luyện viên:

- Chỉ có Lãnh đội, huấn luyện viên, cộng tác viên có tên đăng ký trong danh sách đăng ký mới được quyền chỉ đạo trên sân.

- Người chỉ đạo phải ngồi đúng vị trí do Ban Tổ chức quy định (không được quyền tự ý thay đổi).

- Không được chỉ đạo khi cầu đang trong cuộc hoặc làm VĐV đối phương mất tập trung, làm gián đoạn, trì hoãn trận đấu. Không được hô cầu trong sân (IN) hoặc ngoài sân (OUT) khi quả cầu còn đang trong cuộc.

- Phải mặc quần dài, mang giày thể thao khi chỉ đạo trận đấu, BTC là người quyết định trang phục của người chỉ đạo có phù hợp hay không.

6.4. Tính điểm: xếp hạng trong thi đấu vòng tròn 1 lượt

a) Đội có trận thắng = 1 điểm, đội thua = 0 điểm.

b) Đội có tổng điểm toàn giải cao hơn được xếp hạng trên.

c) Hai đội có tổng số điểm bằng nhau thì đội nào thắng trong trận đối đầu trực tiếp thì xếp hạng trên.

d) Ba đội trở lên có số điểm bằng nhau (trường hợp này chỉ tính đến kết quả thi đấu giữa các đội bằng điểm với nhau), theo trình tự:

- Đội nào có hiệu số của tổng hiệp thắng thua lớn hơn thì được xếp hạng trên.

- Nếu vẫn bằng nhau thì tính đến thương số tổng điểm thắng chia cho tổng điểm thua (tính đến phần ngàn) đội nào có điểm lớn hơn thì được xếp hạng trên.

- Nếu vẫn bằng nhau thì áp dụng hình thức bốc thăm xếp hạng.

7. Xếp hạng

7.1. Mỗi nội dung thi đấu: theo quy định của Luật Đá cầu hiện hành

7.2. Toàn đoàn (theo đơn vị trường học): xếp hạng theo tổng số huy chương vàng, bạc, đồng. Trong trường hợp đồng huy chương, đơn vị nào có VĐV đạt huy chương vàng có độ tuổi nhỏ hơn thì được xếp thứ hạng cao hơn.

Điều 22. Môn Đẩy gậy

1. Thời gian - Địa điểm

Nội dung	Thời gian	Địa điểm
- Đăng ký	Hạn chót 11g00 ngày 14/11/2022	Sở Văn hóa và Thể thao
- Họp lãnh đội, bốc thăm	Ngày 22/11/2022	Trung tâm Thể dục thể thao huyện Nhà Bè
- Tập huấn trọng tài	Ngày 22/11/2022	
- Thi đấu	Ngày 24 - 27/11/2022	

** Ghi chú: hồ sơ đăng ký bằng văn bản có xác nhận của đơn vị chủ quản.*

2. Nội dung thi đấu

2.1. Trung học cơ sở:

- Nam thi đấu 6 hạng cân: đến 41kg, 44kg, 47kg, 50kg, 53kg, 56 kg;
- Nữ thi đấu 6 hạng cân: đến 35kg, 38kg, 41kg, 44kg, 47kg, 50kg.

2.2. Trung học phổ thông:

- Nam thi đấu 8 hạng cân: đến 44kg, 47kg, 50kg, 53kg, 56kg, 59kg, 62kg và 65kg;
- Nữ thi đấu 8 hạng cân: đến 41kg, 44kg, 47kg, 50kg, 53kg, 56kg, 59kg và 62kg.

3. Thể thức thi đấu: Ban Tổ chức sẽ quy định thể thức thi đấu tùy theo số lượng đăng ký tham dự.

4. Luật thi đấu: áp dụng Luật thi đấu môn Đẩy gậy hiện hành.

5. Các quy định khác

- Chỉ có Lãnh đội, huấn luyện viên, cộng tác viên có tên đăng ký trong danh sách đăng ký mới được quyền chỉ đạo trên sân.
- Người chỉ đạo phải ngồi đúng vị trí do Ban Tổ chức quy định (không được quyền tự ý thay đổi).
- Các đơn vị phải đăng ký đúng hạng cân của VĐV trước ngày bốc thăm xếp lịch.
- Các VĐV bỏ cuộc ở vòng bán kết sẽ không được trao huy chương và tiền thưởng.
- Không được chỉ đạo làm VĐV đối phương mất tập trung, làm gián đoạn, trì hoãn trận đấu.
- Phải mặc quần dài, mang giày thể thao khi chỉ đạo trận đấu, BTC là người quyết định trang phục của người chỉ đạo có phù hợp hay không.

Ghi chú: danh sách gửi qua: tmkhang.svhtt@tphcm.gov.vn. Ban Tổ chức sẽ không nhận hồ sơ đăng ký trễ hạn và đăng ký lại các hạng cân VĐV thi đấu trong buổi bốc thăm.

6. Xếp hạng:

6.1. Mỗi nội dung thi đấu: theo quy định của Luật Đẩy gậy hiện hành.

6.2. Toàn đoàn (theo đơn vị trường học): xếp hạng theo tổng số huy chương vàng, bạc, đồng. Trong trường hợp đồng huy chương, đơn vị nào có VĐV đạt huy chương vàng có độ tuổi nhỏ hơn thì được xếp thứ hạng cao hơn.

Điều 23. Môn Điền kinh

1. Thời gian - Địa điểm

Nội dung	Thời gian	Địa điểm
- Đăng ký, kiểm tra hồ sơ	Hạn chót ngày 03/01/2023	Trung tâm TDTT Thống Nhất
- Hợp lãnh đội, bốc thăm	Ngày 03/01/2023	
- Tập huấn trọng tài	Ngày 04/01/2023	
- Thi đấu	Ngày 02 - 08/01/2023	Trường THPT Chuyên NK TDTT Nguyễn Thị Định

2. Nội dung thi đấu

2.1. Tiểu học

a) Nữ: Chạy 60m, 600m, nhảy cao, ném bóng, bật xa.

b) Nam: Chạy 60m, 600m, nhảy cao, ném bóng, bật xa.

c) Toàn năng:

- Nữ: Chạy 60m, 600m, bật xa, ném bóng.

- Nam: Chạy 60m, 600m, bật xa, ném bóng.

2.2. Trung học cơ sở

a) Trung học cơ sở lớp 6 - 7:

- Nữ: chạy 60m, 100m, 200m, 400m, 800m, 1500m, nhảy xa, nhảy cao, ném bóng (150gr), 4 x 100m, 4 x 400m.

- Nam: chạy 60m, 100m, 200m, 400m, 800m, 1500m; nhảy xa, nhảy cao, ném bóng (150 gr), 4 x 100m, 4 x 400m.

- Toàn năng:

+ Nữ: Chạy 60m, 800m, nhảy xa, nhảy cao, ném bóng.

+ Nam: Chạy 60m, 800m, nhảy xa, nhảy cao, ném bóng.

b) Trung học cơ sở lớp 8 - 9:

- Nữ: 100m, 200m, 400m, 1500m, nhảy xa, nhảy cao, đẩy tạ 3kg, 4x100m, 4x400m.

- Nam: 100m, 200m, 400m, 1500m, Nhảy xa, Nhảy cao, Đẩy tạ 4kg, 4x100m, 4x400m.

- Chạy tiếp sức hỗn hợp (02 nam, 02 nữ): 4x100m, 4x400m.

2.3. Trung học phổ thông

- Nữ: chạy 100m, 200m, 400m, 800m, 1500m, 3000m; nhảy xa; nhảy 3 bước; nhảy cao; đẩy tạ 3kg, 4x100m, 4x400m.

- Nam: chạy 100m, 200m, 400m, 800m, 1500m, 5000m; nhảy xa; nhảy 3 bước; nhảy cao; đẩy tạ 5kg, 4x100m, 4x400m.

- Chạy tiếp sức hỗn hợp (02 nam, 02 nữ): 4x100m; 4x400m.

3. Số lượng đăng ký

3.1. Nội dung cá nhân: mỗi cấp học, nhóm lớp học (thuộc thành phố Thủ Đức và các quận, huyện), mỗi Trường Năng khiếu TDTT cử đại diện tối đa 04 trường (VĐV) tham dự ở mỗi nội dung.

3.2. Nội dung Tiếp sức: theo mục 3 Điều 4 Chương II của Điều lệ này.

3.3. Mỗi VĐV được tham dự 3 nội dung kể cả tiếp sức.

3.4. Vận động viên thi đấu nội dung toàn năng được tham dự thêm 02 nội dung khác.

4. Thể thức thi đấu: cá nhân, tiếp sức.

5. Luật thi đấu: áp dụng Luật Điền kinh hiện hành của Tổng cục Thể dục thể thao.

6. Các quy định khác

6.1. Đăng ký thi đấu: ngoài những hồ sơ đăng ký theo quy định chung, mỗi đơn vị nộp 1 bản danh sách đăng ký nội dung thi đấu cho nam và nữ riêng (theo mẫu của môn Điền kinh).

6.2. Tính chất thi đấu:

- Khi thi đấu, vận động viên phải mặc trang phục và mang giày thể thao, những VĐV không theo đúng quy định sẽ không được tham gia thi đấu.

- Các đội tiếp sức phải mặc đồng phục (quần và áo), 01 đội tiếp sức đăng ký 06 vận động viên.

- Toàn năng chỉ được tính khi VĐV tham dự đủ các môn đã quy định.

6.3. Số đeo: do các đơn vị tự trang bị theo hệ thống số đeo của Liên đoàn Điền kinh quy định. VĐV phải xuất phát bằng bàn đạp ở các nội dung cự ly ngắn, xuất phát theo ô (60m, 100m, 200m, 400m, tiếp sức 4x100m, 4x200m, 4x400m).

7. Xếp hạng

7.1. Cá nhân, tiếp sức: vàng, bạc, đồng. Nếu thành tích cá nhân, tiếp sức từng nội dung của các VĐV bằng nhau thì VĐV có độ tuổi nhỏ hơn được xếp trên (căn cứ theo ngày, tháng, năm sinh).

7.2. Đồng đội: tính hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba nam, nữ ở từng cấp học (THCS, THPT) cho thành phố Thủ Đức và từng quận, huyện. Đội nào có HCV nhiều hơn sẽ xếp trên, sau đó tính đến HCB, HCD. Nếu số huy chương bằng nhau, đội nào có thứ hạng cao ở các nội dung sau sẽ xếp trên:

- THCS: Nội dung 60m nam; 60m nữ của lớp 6 - 7.

- THPT: Nội dung 100m nam; 100m nữ.

7.3. Toàn đoàn (theo đơn vị trường học): xếp hạng theo tổng số huy chương vàng, bạc, đồng. Trong trường hợp đồng huy chương, đơn vị nào có VĐV đạt huy chương vàng có độ tuổi nhỏ hơn thì được xếp thứ hạng cao hơn.

Ghi chú: khi thi đấu VDV phải mặc trang phục thể thao và mang giày thể thao, những VDV không theo đúng quy định sẽ không được thi đấu.

Điều 24. Môn Futsal

1. Thời gian - Địa điểm

Nội dung	Thời gian	Địa điểm
Đăng ký, kiểm tra hồ sơ	- THCS nữ: Lúc 16g30 ngày 10/03/2023 - THPT nữ: Lúc 16g30 ngày 10/03/2023 - THPT nam: Lúc 16g30 ngày 17/03/2023 - THCS nam: Lúc 16g30 ngày 07/04/2023	Liên đoàn Bóng đá TP.Hồ Chí Minh
Họp lãnh đội, bốc thăm	- THCS nữ: Lúc 14g30 ngày 21/03/2023 - THPT nữ: Lúc 14g30 ngày 21/03/2023 - THPT nam: Lúc 14g30 ngày 28/03/2023 - THCS nam: Lúc 14g30 ngày 18/04/2023	
Thi đấu	- THCS nữ: ngày 05/04/2023 - THPT nữ: ngày 12/04/2023 - THPT nam: ngày 19/04/2023 - THCS nam: ngày 10/05/2023	Nhà thi đấu Trường Nguyễn Thị Định và Nhà thi đấu Thể thao Thái Sơn Nam quận 8

2. Nội dung thi đấu

2.1. Trung học cơ sở nam; nữ.

2.2. Trung học phổ thông nam; nữ.

3. Số lượng đăng ký

- Các trường học được cử 01 đội nam và 01 đội nữ đại diện cho quận, huyện tham dự ở mỗi nhóm cấp học; thành phố Thủ Đức được cử 02 đội nam, 02 đội nữ tham dự ở mỗi nhóm cấp học; Trường Năng khiếu TDTT được cử 01 đội nam và 01 đội nữ tham dự ở mỗi nhóm cấp học.

- Mỗi đội bao gồm 12 cầu thủ (02 thủ môn) + 01 trưởng đoàn + 02 HLV và 01 sân sóc viên (tổng cộng 16 người).

- Trong mỗi trận đấu, đội bóng chỉ được quyền đăng ký tối đa 12 cầu thủ (05 chính thức và 07 dự bị).

4. Thể thức thi đấu

- Tùy theo số đội đăng ký tham dự Ban Tổ chức giải sẽ có phương thức thi đấu phù hợp.

- Các trận thi đấu loại trực tiếp, nếu trận đấu có tỷ số hòa, sẽ thi đấu luân lưu 6m.

5. Luật thi đấu: áp dụng luật thi đấu Futsal mới (chỉnh sửa và bổ sung 2021- 2022) do Liên đoàn Bóng đá Việt Nam ban hành.

6. Các quy định khác

6.1. Thời gian mỗi trận đấu: 20 phút x 2 hiệp = 40 phút (giờ thông thường), nghỉ giữa 02 hiệp 10 phút.

- Các đội bóng phải có mặt trước trận đấu 30 phút để làm thủ tục.

- Đúng giờ thi đấu (theo lịch thi đấu của BTC) đội bóng ra sân thi đấu không đủ 05 cầu thủ trên sân, xem như tự ý bỏ cuộc. Đội bóng bị xử thua 0 - 3.

- Trong ngày họp chuyên môn bốc thăm xếp lịch thi đấu của từng nội dung, nếu đội nào chưa hoàn tất hồ sơ đăng ký và nộp cho Ban tổ chức, xem như đội đó không tham dự Giải.

6.2. Bóng thi đấu: Bóng Futsal của Công ty Động Lực.

6.3. Trang phục:

- Đội bóng tự trang bị trang phục thi đấu (quần, áo, giày và vớ), mỗi đội bóng phải có đồng phục với số áo rõ ràng khác nhau cho từng cầu thủ mặc cố định trong suốt giải, các cầu thủ dự bị phải mặc áo Bib trong khu vực kỹ thuật của đội nhà.

- VĐV không được mang kính thi đấu (không chấp nhận viết giấy cam kết để được thi đấu), muốn được thi đấu phải mang kính chuyên dụng bằng chất nhựa dẻo.

- Giày thi đấu phải là giày vải bata đế bằng hoặc giày chuyên dùng Futsal.

- Futsal Trung học cơ sở nam và Trung học phổ thông nam bắt buộc phải có bọc ống chân trong suốt quá trình thi đấu.

6.4. Cách tính điểm: thi đấu vòng tròn 1 lượt (*Thắng = 3 điểm; Hoà = 1 điểm; Thua = 0 điểm*). Đội nào có tổng điểm cao hơn xếp hạng trên.

a) Nếu có từ hai đội trở lên bằng điểm nhau, trước hết tính kết quả của các trận đấu giữa các đội bằng điểm nhau theo thứ tự:

- Số điểm.

- Hiệu số của số bàn thắng và số bàn thua.

- Số bàn thắng.

b) Trường hợp trong bảng có 03 đội bằng điểm nhau, nếu có 1 đội đã hơn chỉ số rõ ràng và xếp trên, 2 đội còn lại tiếp tục tính đối kháng như điều trên (điều a) 01 lần nữa. Đội nào có chỉ số cao hơn sẽ xếp trên đối với các đội có liên quan. Nếu các chỉ số trên vẫn bằng nhau, thì tiếp tục xét các chỉ số của toàn bộ các trận đấu trong bảng theo thứ tự:

- Hiệu số của tổng số bàn thắng trừ tổng số bàn thua.

- Tổng số bàn thắng.

- Thi đấu luân lưu, nếu 02 đội liên quan còn thi đấu trên sân.

c) Nếu các chỉ số vẫn bằng nhau, BTC tiếp tục xét số điểm được tính trên tổng số thẻ vàng và thẻ đỏ của đội bóng đó nhận khi kết thúc vòng loại bảng. Cách tính cụ thể như sau:

- Một (1) thẻ vàng tính một (1) điểm.
- Một (1) thẻ đỏ (do nhận thẻ vàng thứ hai trong cùng một trận đấu) tính ba (3) điểm.
- Một (1) thẻ đỏ trực tiếp tính ba (3) điểm.
- Một (1) thẻ vàng và 01 thẻ đỏ trực tiếp trong cùng một trận đấu tính bốn (4) điểm.
- Đội bóng nhận ít điểm hơn sẽ được xếp trên.
- Nếu vẫn bằng nhau sẽ tổ chức bốc thăm để xác định đội xếp trên.
- Trong mỗi trận đấu đội bóng chỉ được quyền đăng ký tối đa 12 cầu thủ: 05 chính thức và 07 dự bị.

6.5. Giám sát và trọng tài: do Liên đoàn Bóng đá Thành phố Hồ Chí Minh phân công làm nhiệm vụ.

6.6. Khiếu nại và kỷ luật:

a) Khiếu nại:

- Đội khiếu nại phải có văn bản gửi cho Ban Tổ chức giải thông qua giám sát trận đấu, chậm nhất 10 phút sau khi trận đấu kết thúc, đóng lệ phí 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng) cho 01 trường hợp/01 cầu thủ, nếu khiếu nại đúng sẽ được hoàn trả lại số tiền trên. Giám sát phải báo cáo đầy đủ cho Ban Tổ chức Giải ngay sau khi nhận khiếu nại.

- Đội khiếu nại phải tự xác minh, có chứng cứ rõ ràng để Ban Tổ chức Giải có cơ sở xử lý trong thời gian 24 tiếng (tính từ sau khi trận đấu có khiếu nại kết thúc), thời gian khiếu nại không được ảnh hưởng đến lịch thi đấu của giải. Nếu đội khiếu nại không có căn cứ hoặc không đúng quy định, Ban Tổ chức sẽ xem xét và có hình thức xử lý đối với đội khiếu nại.

- Ban Tổ chức Giải sẽ không nhận khiếu nại cho trận các trận Bán kết, tranh hạng III (nếu có) và trận chung kết.

- Đội bóng bị loại khỏi giải sẽ bị xóa bỏ toàn bộ thành tích thi đấu và không tính kết quả các trận đấu của các đội khác với đội này.

- Trường hợp đội thắng trận bán kết bị loại vì vi phạm Điều lệ giải thì đội thua sẽ vào tranh trận chung kết.

b) Kỷ luật:

- Áp dụng văn bản: “Quy định về kỷ luật” của Liên đoàn Bóng đá Việt Nam và các văn bản bổ sung, sửa đổi của các văn bản này do Liên đoàn Bóng đá Việt Nam ban hành.

- Cầu thủ bị phạt 02 vàng trong quá trình thi đấu giải sẽ bị đình chỉ thi đấu trận kế tiếp, cũng áp dụng như vậy đối với thẻ vàng thứ 4, thứ 6...

- Cầu thủ bị phạt thẻ đỏ (02 thẻ vàng) hoặc thẻ đỏ trực tiếp sẽ bị đình chỉ thi đấu ít nhất 01 trận kế tiếp, trường hợp nghiêm trọng sẽ bị Ban Tổ chức kỷ luật nặng hơn.

- Đội bóng bỏ cuộc cả giải, gian lận về đối tượng sẽ bị xử loại khỏi giải, phạt toàn bộ số tiền ký quỹ và các kết quả trận đấu với đội khác sẽ bị hủy bỏ.

- Đội bóng vi phạm Điều lệ Giải sẽ bị xử thua 0-3, nếu tỷ số cao hơn thì giữ nguyên tỷ số.

7. Xếp hạng: theo quy định của Luật Bóng đá hiện hành (theo đơn vị trường học).

Điều 25. Môn Judo

1. Thời gian - Địa điểm

Nội dung	Thời gian	Địa điểm
- Đăng ký, kiểm tra hồ sơ	Hạn chót 17g ngày 01/02/2023	Nhà tập luyện Thể thao Phú Thọ
- Họp lãnh đội, bốc thăm	Ngày 21/02/2023	
- Thi đấu	Ngày 24, 25 và 26/02/2023	Trung tâm VH-TT Quận Tân Bình

2. Nội dung thi đấu

2.1. Tiểu học: 7 hạng cân nam, 7 hạng cân nữ.

- Nam: dưới 34, 38, 42, 46, 50, 55 và trên 55kg.

- Nữ: dưới 32, 36, 40, 44, 48, 52 và trên 52kg.

2.2. Trung học cơ sở lớp 6-7: 7 hạng cân nam, 7 hạng cân nữ.

- Nam: dưới 38, 42, 46, 50, 55, 60 và trên 60kg.

- Nữ: dưới 36, 40, 44, 48, 52, 57 và trên 57kg.

2.3. Trung học cơ sở lớp 8-9: 9 hạng cân nam, 9 hạng cân nữ

- Nam: dưới 38, 42, 46, 50, 55, 60, 66, 73 và trên 73kg.

- Nữ: dưới 36, 40, 44, 48, 52, 57, 63, 70 và trên 70kg.

2.4. Trung học phổ thông: 9 hạng cân nam, 9 hạng cân nữ.

- Nam: dưới 50, 55, 60, 66, 73, 81, 90, 100 và trên 100kg.

- Nữ: dưới 42, 45, 48, 52, 57, 63, 70, 78 và trên 78kg.

3. Thể thức thi đấu

- Thi đấu theo thể thức loại trực tiếp ở khối Tiểu học và Trung học cơ sở.

- Thi đấu theo thể thức Repercharge ở các khối Trung học phổ thông.

- Thi đấu xếp hạng cá nhân và toàn đoàn.

4. Luật thi đấu: áp dụng luật thi đấu của Liên đoàn Judo Việt Nam ban hành.

5. Các quy định khác

5.1. Vận động viên cấp Trung học cơ sở phải có trình độ chuyên môn từ Đại Cam trở lên; VĐV cấp Trung học phổ thông phải có trình độ chuyên môn Đại Xanh lá trở lên và phải mang đúng trình độ chuyên môn khi thi đấu.

5.2. Trang phục:

- Võ phục đúng quy cách có huy hiệu Liên đoàn Judo Thành phố.
- VĐV không mang trang sức, đeo râu, tóc, móng tay, móng chân dài.
- HLV Trưởng phải mặc trang phục thể thao có tên đơn vị, quần dài, mang giày (có tên trong danh sách đăng ký mới được ngồi ghế chỉ đạo).

5.3. Thời gian trận đấu:

- Khối Tiểu học: 02 phút/trận dành cho nam và nữ.
- Khối Trung học cơ sở: 03 phút/trận dành cho nam và nữ.
- Khối Trung học phổ thông: 04 phút/trận dành cho nam và nữ.

6. Xếp hạng

6.1. Mỗi nội dung thi đấu: theo quy định của Luật Judo hiện hành.

6.2. Toàn đoàn (theo đơn vị trường học): xếp hạng theo tổng số huy chương vàng, bạc, đồng. Trong trường hợp đồng huy chương, đơn vị nào có VĐV đạt huy chương vàng có độ tuổi nhỏ hơn thì được xếp thứ hạng cao hơn.

Điều 26. Môn Karate

1. Thời gian - Địa điểm

Nội dung	Thời gian	Địa điểm
- Đăng ký, kiểm tra hồ sơ	(Học kỳ II)	Thông báo sau
- Họp lãnh đội, bốc thăm		
- Cân ký		
- Thi đấu		

2. Nội dung thi đấu

2.1. Tiểu học: thi đấu Kata và đối luyện

a) Nội dung Kata: 10 nội dung

- **Lớp 1 - 3:** (2014 - 2016)

+ Các bài Kata theo quy định - Heian shodan, Nidan, Sandan, Jondan, Godan.

+ Kata cá nhân nam; Kata cá nhân nữ; Kata đồng đội nam; Kata đồng đội nữ; Kata đồng đội hỗn hợp nam - nữ.

- **Lớp 4 - 5:** (2012 - 2013)

+ Các bài Kata theo quy định - Heian sandan; Jondan; Godan; Tekki shodan; Basaidai.

+ Kata cá nhân nam; Kata cá nhân nữ; Kata đồng đội nam; Kata đồng đội nữ; Kata đồng đội hỗn hợp nam – nữ.

b) Nội dung đối luyện (2 nội dung)

- **Lớp 1 - 3:** (2014 - 2016)

+ Kihon kumite; Đối luyện đồng đội nam 4 VĐV; Đối luyện đồng đội nữ 4 VĐV - Thể thức loại trực tiếp 1 lần thua.

+ Vòng chung kết: 5 đòn tự chọn/21 đòn Kihon kumite

+ Vòng bán kết: 3 đòn Mawashi geri và 3 đòn Yoko geri

+ Vòng tứ kết: 5 đòn Mae geri, 5 đòn Chudan zuki

+ Vòng 1/16: 5 đòn Jodan zuki

c) Thi Kumite cá nhân nam và cá nhân nữ:

- **Lớp 4 - 5:** (2012 - 2013)

+ Nam: đến 30kg, từ 30 - 35kg, từ 35 - 40kg, từ 40 - 45kg, trên 45kg.

+ Nữ: đến 30kg, từ 30 - 35kg, từ 35 - 40kg, từ 40 - 45kg, trên 45kg.

2.2. Trung học cơ sở:

a) Thi Kata đồng đội nam 03 VĐV; đồng đội nữ 03 VĐV; đồng đội phối hợp nam nữ 03 VĐV; cá nhân nam, cá nhân nữ.

b) Thi Kumite đồng đội nam: 05 VĐV + 02 dự bị; Thi Kumite đồng đội nữ: 03 VĐV + 01 dự bị;

c) Thi Kumite cá nhân nam, nữ:

- Nam: đến 40kg, 45kg, 50kg, 55kg, 60kg, 65kg và đến 70kg;

- Nữ: đến 40kg, 44kg, 48kg, 52kg, 56kg và đến 60kg.

2.3. Trung học phổ thông

a) Thi Kata Đồng đội nam: 03 VĐV; Thi Kata Đồng đội nữ: 03 VĐV; Thi Kata Cá nhân: 01 VĐV nam, 01 VĐV nữ;

b) Thi Kumite Đồng đội nam: 05 VĐV nam + 02 dự bị; Thi Kumite Đồng đội nữ: 03 VĐV + 01 dự bị;

c) Thi Kumite cá nhân nam, nữ:

- Nam: đến 45kg, đến 50kg, đến 55kg, đến 60kg, đến 65kg, 70kg và đến 75kg;

- Nữ: đến 40 kg, đến 44kg, đến 47kg, đến 50kg, đến 55kg, 60kg và đến 65kg.

3. Thể thức thi đấu: loại trực tiếp 1 lần thua

4. Luật thi đấu: áp dụng theo Luật thi đấu mới của Liên đoàn Karate thế giới (WKF).

5. Các quy định khác

- VĐV tham dự phải có thẻ chuyên môn đai đen trở lên do Liên đoàn Karatedo Thành phố ban hành.

- VĐV phải có trang phục bảo vệ: Coquylle, áo giáp, găng, bảo hộ ống quyển, bảo hộ răng.

7. Xếp hạng

7.1. Mỗi nội dung thi đấu: theo quy định của Luật Karate hiện hành.

7.2. Toàn đoàn (theo đơn vị trường học): xếp hạng theo tổng số huy chương vàng, bạc, đồng. Trong trường hợp đồng huy chương, đơn vị nào có VĐV đạt huy chương vàng có độ tuổi nhỏ hơn thì được xếp thứ hạng cao hơn.

Điều 27. Môn Kéo co

1. Thời gian -Địa điểm

Nội dung	Thời gian	Địa điểm
- Đăng ký	Hạn chót 11g00 ngày 14/11/2022	Sở Văn hóa và Thể thao
- Họp lãnh đội, bốc thăm	Ngày 29/11/2022	Trung tâm Văn hóa - Thể thao Quận 11
- Tập huấn trọng tài	Ngày 29/11/2022	
- Thi đấu	Ngày 01 - 04/12/2022	

2. Nội dung thi đấu

2.1. Tiểu học:

- Nam thi đấu 01 hạng cân: không quá 380kg.
- Nữ thi đấu 01 hạng cân: không quá 360kg
- Hỗn hợp nam, nữ thi đấu 02 hạng cân: không quá 350kg, 370kg.

2.2. Trung học cơ sở:

- Nam thi đấu 01 hạng cân: không quá 440kg;
- Nữ thi đấu 01 hạng cân: không quá 400kg;
- Đồng đội nam nữ phối hợp thi đấu 02 hạng cân: không quá 420kg, không quá 460kg.

2.3. Trung học phổ thông:

- Nam thi đấu 01 hạng cân: không quá 480kg;
- Nữ thi đấu 01 hạng cân: không quá 440kg;
- Đồng đội nam, nữ thi đấu 02 hạng cân: không quá 460kg, không quá 500kg.

3. Số lượng và điều kiện đăng ký tham dự

- Mỗi đội tối đa có 13 VĐV (08 chính thức, 05 dự bị).
- Khi cân trọng lượng ban đầu phải có đủ 08 VĐV, đội nào không đủ 08 VĐV trong lúc cân xem như không đủ điều kiện tham dự.

- Trận đấu sẽ tiến hành khi có đủ 8 VĐV từ hiệp I và sang hiệp II phải còn ít nhất 07 VĐV, nếu ít hơn 7 VĐV thì đội đó sẽ không đủ điều kiện thi đấu.

4. Thể thức thi đấu

- Thi đấu hỗn hợp nam, hỗn hợp nữ, hỗn hợp nam nữ (4 nam, 4 nữ).

- Căn cứ vào số đội tham gia và các Điều kiện khác; Ban Tổ chức sẽ lựa chọn hình thức thi đấu loại trực tiếp hoặc vòng tròn cho phù hợp.

- Thi đấu vòng tròn 2 hiệp tính điểm: đội thắng 3 điểm, hòa 1 điểm, thua 0 điểm; bán kết và chung kết thi đấu loại trực tiếp 3 thắng 2. Đội bỏ cuộc bị xử thua 0 - 2 “không kéo” cho mỗi hiệp.

- Cách xếp hạng: căn cứ vào tổng số điểm của mỗi đội để xếp hạng.

Lưu ý: một số trường hợp trong thi đấu BTC sẽ giải quyết như sau:

a) Đối với 02 đội bằng điểm nhau sẽ xét theo thứ tự:

- Kết quả trận đối đầu;

- Cân nặng;

- Lỗi

- Cuối cùng là bốc thăm.

b) VĐV thi đấu chạm tay xuống sàn, sân thi đấu quá thời gian 05 giây xem như vi phạm 01 lỗi (03 lỗi xem như thua hiệp hoặc thua trận).

- Thực hiện động tác chèo thuyền 01 lần tính 01 lỗi; 03 lần chèo thuyền liên tục xem như thua hiệp hoặc thua trận.

c) Trong lúc đang thi đấu 02 đội đã vi phạm 02 lỗi và cả 02 bên đều ngồi kéo (theo Luật Kéo co hiện hành) quá lâu thì giải quyết như sau:

Trường hợp đang diễn ra trận đấu 02 đội không đội nào đứng dậy thì trọng tài có quyền ngưng trận đấu và buộc 02 đội đứng lên để tiếp tục thi đấu tại vị trí đã ngưng (khi ngưng trận đấu thì không cho bất kỳ sẵn sóc viên, VĐV ngoài bước vào sân thi đấu).

d) Đối với 02 đội thi đấu không tích cực hoặc đơn phương ký biên bản nhận thua để nhường cho đơn vị khác thắng thì Ban tổ chức sẽ truất quyền thi đấu của đơn vị đó ở nội dung thi đấu không tích cực.

5. Luật thi đấu: áp dụng theo luật thi đấu môn Kéo co hiện hành.

6. Các quy định khác

- Các đội được phép thay 01 VĐV cho mỗi trận đấu, trọng lượng VĐV thay vào phải bằng hoặc nhỏ hơn trọng lượng VĐV thay ra và được sự kiểm tra của trọng tài bàn. VĐV được thay ra sẽ mất quyền tham dự các trận thi đấu ở nội dung đã được thay.

- Phải mặc quần dài, mang giày thể thao khi chỉ đạo trận đấu, Ban Tổ chức là người quyết định trang phục của người chỉ đạo có phù hợp hay không.

- VĐV phải mặc trang phục cân và trang phục thi đấu đúng quy định trừ VĐV số 08 (trang phục thể thao cùng màu) và mang giày không có đế cứng khi thi đấu hoặc giày chề (giày không có đơn vị sản xuất). Khi thi đấu không đeo bao tay hoặc sử dụng các vật có móc, điểm tì... và phải mang giày thi đấu.

- HLV, sẵn sóc viên phải mặc trang phục thể thao và mang giày thể thao khi vào sân làm nhiệm vụ. Trường hợp không đúng trang phục BTC sẽ tước quyền chỉ đạo đối với HLV, sẵn sóc viên của đội vi phạm.

- Trang phục: đội tham dự phải cùng trang phục.

- Sân thi đấu: sân thi đấu có bề mặt phẳng bằng gỗ hoặc nhựa tổng hợp.

- Dây kéo: bằng sợi thừng theo tiêu chuẩn của ITWF.

- Trọng tài: do Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố điều động.

7. Xếp hạng

7.1. Mỗi nội dung thi đấu: theo quy định của Luật Kéo co hiện hành.

7.2. Xếp hạng toàn đoàn (theo đơn vị trường học): Ban Tổ chức sẽ xếp hạng toàn đoàn cho các đơn vị có số lượng thành tích huy chương theo thứ tự vàng, bạc, đồng khi các đơn vị đăng ký thi đấu từ 08 nội dung trở lên.

Điều 28. Môn Pencak Silat

1. Thời gian - Địa điểm

Nội dung	Thời gian	Địa điểm
- Đăng ký, kiểm tra hồ sơ	Ngày 30/01/2023 đến ngày 03/02/2023	CLB Võ Thuật, số 04 Lê Đại Hành, Phường 15, Quận 11
- Họp lãnh đội, bốc thăm	Ngày 13/02/2023	
- Thi đấu	Ngày 14 - 19/02/2023	Trung Tâm TDTT Quận Gò Vấp

2. Nội dung thi đấu

2.1. Thi đấu đối kháng

a) **Trung học cơ sở:** 12 hạng cân nam, 11 hạng cân nữ

TT	Nam	Nữ
1	Hạng cân A: từ 30kg đến 33kg	Hạng cân A: từ 30kg đến 33kg
2	Hạng cân B: từ 33kg đến 36kg	Hạng cân B: từ 33kg đến 36kg
3	Hạng cân C: từ 36kg đến 39kg	Hạng cân C: từ 36kg đến 39kg
4	Hạng cân D: từ 39kg đến 42kg	Hạng cân D: từ 39kg đến 42kg
5	Hạng cân E: từ 42kg đến 45kg	Hạng cân E: từ 42kg đến 45kg
6	Hạng cân F: từ 45kg đến 48kg	Hạng cân F: từ 45kg đến 48kg
7	Hạng cân G: từ 48kg đến 51kg	Hạng cân G: từ 48kg đến 51kg
8	Hạng cân H: từ 51kg đến 54kg	Hạng cân H: từ 51kg đến 54kg

9	Hạng cân I: từ 54kg đến 57kg	Hạng cân I: từ 54kg đến 57kg
10	Hạng cân J: từ 57kg đến 60kg	Hạng cân J: từ 57kg đến 60kg
11	Hạng cân K: từ 60kg đến 63kg	Hạng cân open: Trên 60kg
12	Hạng cân open: Trên 63kg	

b) Trung học phổ thông: 13 hạng cân nam, 12 hạng cân nữ

TT	Nam	Nữ
1	Hạng cân D: từ 39kg đến 42kg	Hạng cân D: từ 39kg đến 42kg
2	Hạng cân E: từ 42kg đến 45kg	Hạng cân E: từ 42kg đến 45kg
3	Hạng cân F: từ 45kg đến 48kg	Hạng cân F: từ 45kg đến 48kg
4	Hạng cân G: từ 48kg đến 51kg	Hạng cân G: từ 48kg đến 51kg
5	Hạng cân H: từ 51kg đến 54kg	Hạng cân H: từ 51kg đến 54kg
6	Hạng cân I: từ 54kg đến 57kg	Hạng cân I: từ 54kg đến 57kg
7	Hạng cân J: từ 57kg đến 60kg	Hạng cân J: từ 57kg đến 60kg
8	Hạng cân K: từ 60kg đến 63kg	Hạng cân K: từ 60kg đến 63kg
9	Hạng cân L: từ 63kg đến 66kg	Hạng cân L: từ 63kg đến 66kg
10	Hạng cân M: từ 66kg đến 69kg	Hạng cân M: từ 66kg đến 69kg
11	Hạng cân N: từ 69kg đến 72kg	Hạng cân N: từ 69kg đến 72kg
12	Hạng cân O: từ 72kg đến 75kg	Hạng cân open: Trên 72kg
13	Hạng cân open: Trên 75kg	

2.2. Senni (Quyền): 04 nội dung

a) Trung học cơ sở: Tunggal đơn nam và Tunggal đơn nữ

b) Trung học phổ thông: Tunggal đơn nam và Tunggal đơn nữ

3. Thẻ thức thi đấu: Ban Tổ chức sẽ sắp xếp thẻ thức tùy theo số lượng VĐV đăng ký

4. Luật thi đấu: áp dụng luật thi đấu Pencak Silat quốc tế năm 2020.

5. Các quy định khác: vận động viên phải biết rõ luật thi đấu của môn và khi thi đấu TUNGKAL phải tự trang bị binh khí, dụng cụ chuyên dùng.

6. Xếp hạng

6.1. Mỗi nội dung thi đấu: theo quy định của Luật Pencak Silat hiện hành.

6.2. Toàn đoàn (theo đơn vị trường học): xếp hạng theo tổng số huy chương vàng, bạc, đồng. Trong trường hợp đồng huy chương, đơn vị nào có VĐV đạt huy chương vàng có độ tuổi nhỏ hơn thì được xếp thứ hạng cao hơn.

Điều 29. Môn Petanque (Bi sắt)

1. Thời gian - Địa điểm

Nội dung	Thời gian	Địa điểm
- Đăng ký, kiểm tra hồ sơ	Hạn chót 16g00 ngày 27/02/2023	Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu TDTT TPHCM, số 02 - 04 Lê Đại Hành, P15, Q11
- Họp lãnh đội, bốc thăm	Vào lúc 9g00 ngày 01/3/2023	
- Thi đấu	Ngày 02 - 10/3/2023	

2. Nội dung thi đấu

2.1. Tiểu học (04 nội dung): đơn nam, đơn nữ; đôi nam, đôi nữ.

2.2. Trung học cơ sở (06 nội dung): đơn nam, đơn nữ; đôi nam, đôi nữ; kỹ thuật nam, kỹ thuật nữ.

2.3. Trung học phổ thông (08 nội dung): đơn nam, đơn nữ; đôi nam, đôi nữ; bộ ba nam, bộ ba nữ; kỹ thuật nam, kỹ thuật nữ.

3. Thể thức thi đấu: tùy theo số lượng VĐV đăng ký tham dự, Ban Tổ chức sẽ thống nhất trong cuộc họp kỹ thuật và bốc thăm.

4. Luật thi đấu: áp dụng luật thi đấu Petanque do Ủy ban TDTT Việt Nam ban hành năm 2006.

5. Các quy định khác:

- Mỗi VĐV được đăng ký tối đa 02 nội dung thi đấu (gồm đơn; đôi; bộ ba) và 01 nội dung kỹ thuật nam, nữ cho 01 cấp học.

- Vận động viên không có mặt sau 15 phút gọi tên thi đấu xem như bỏ cuộc. Trang phục thi đấu phải là áo thể thao; đối với nội dung đôi, bộ ba phải mặc áo đồng phục giống nhau, quần thể thao, giày thể thao (quần Jeans không được phép thi đấu).

6. Xếp hạng

6.1. Mỗi nội dung thi đấu: xếp hạng nhất, nhì và đồng hạng ba cho mỗi nội dung.

6.2. Toàn đoàn (theo đơn vị trường học): xếp hạng theo tổng số huy chương vàng, bạc, đồng. Trong trường hợp đồng huy chương, đơn vị nào có VĐV đạt huy chương vàng có độ tuổi nhỏ hơn thì được xếp thứ hạng cao hơn.

Điều 30. Môn Quần vợt

1. Thời gian - Địa điểm

Nội dung	Thời gian	Địa điểm
- Đăng ký, kiểm tra hồ sơ	Hạn chót 17g00 ngày 03/1/2023	CLB Quần vợt Phú Thọ, 215A Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11
- Họp lãnh đội, bốc thăm	Lúc 9g00 ngày 05/01/2023	
- Thi đấu	Từ ngày 07 - 14/01/2023	

2. Nội dung thi đấu

2.1. Tiểu học:

- Lớp 1 - 4: đơn nam, đơn nữ.
- Lớp 5: đơn nam, đơn nữ.

2.2. Trung học cơ sở:

- Lớp 6 - 7: đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ.
- Lớp 8 - 9: đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ.

2.3. Trung học phổ thông: đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ.**3. Thể thức thi đấu**

- Thi đấu cá nhân và đôi theo thể thức vòng tròn hoặc loại trực tiếp tùy theo số lượng đăng ký tham dự, nếu có 6 VĐV hoặc 6 đôi trở xuống thi đấu vòng tròn, nếu có 07 VĐV hoặc 07 đôi trở lên sẽ thi đấu loại trực tiếp.

- Cấp Trung học cơ sở và Trung học phổ thông thi đấu 1 ván 8 bàn, 7 điều thi đấu tie-break, từ vòng 1/8 thi đấu 3 thắng 2, ván 6 bàn, Tie-break.

4. Luật thi đấu: áp dụng luật thi đấu Quần vợt hiện hành.**5. Các quy định khác****5.1. Xếp hạt nhân theo các giải**

- Giải Học sinh Thành phố 2021-2022.
- Giải vô địch Trẻ Thành phố năm 2022.

5.2. Bóng thi đấu: Head.

6. Xếp hạng (đơn vị trường học): theo quy định của Luật Quần vợt (Tennis) hiện hành.

Điều 31. Môn Taekwondo**1. Thời gian - Địa điểm**

Nội dung	Thời gian	Địa điểm
- Đăng ký trực tuyến (Online)	Hạn chót 23g00 ngày 25/02/2023	Văn phòng Liên đoàn Taekwondo Thành phố Hồ Chí Minh
- Đăng ký, kiểm tra hồ sơ	Từ 09g00 - 12g00 ngày 26/02/2023	
- Tập huấn trọng tài		
- Họp lãnh đội, bốc thăm	09g00 ngày 28/02/2023	
- Cân vận động viên	Từ 09g00 - 19g00 ngày 02 và ngày 09/3/2023	
- Thi đấu	Từ 08h00 - 21h00 ngày 03,04,05 và ngày 10,11,12/3/2023	Trường Chuyên NK TDTT Nguyễn Thị Định

2. Nội dung thi đấu**2.1. Thi đấu đối kháng cá nhân:**

a) Tiểu học nam: không quá 22kg, 24kg, 26kg, 28kg, 30kg, 32g, 34kg, 36kg, 38kg. trên 38kg.

b) Tiểu học nữ: không quá 22kg, 24kg, 26kg, 28kg, 30kg, 32g, 34kg, 36kg, 38kg. trên 38kg.

c) Trung học cơ sở nam: không quá 33kg, 37kg, 41kg, 45kg, 49kg, 53kg, 57kg, 61kg, 65kg. trên 65kg.

d) Trung học cơ sở nữ: không quá 29kg, 33kg, 37kg, 41kg, 44kg, 47kg, 51kg, 55kg, 59kg, trên 59kg.

e) Trung học phổ thông nam: không quá 45kg, 48kg, 51kg, 55kg, 59kg, 63kg, 68kg, 73kg, 78kg, trên 78kg.

f) Trung học phổ thông nữ: không quá 42kg, 44kg, 46kg, 49kg, 52kg, 55kg, 59kg, 63kg, 68kg, trên 68kg.

2.2. Thi đấu đối kháng đồng đội:

a) Tiểu học: nam không quá 180kg/4VĐV, nữ không quá 145kg/4VĐV

b) Trung học cơ sở: nam không quá 220kg/4VĐV, nữ không quá 185kg/4VĐV

c) Trung học phổ thông: nam không quá 260kg/5 VĐV, nữ không quá 220kg/5 VĐV

(Đăng ký 4 VĐV thi đấu chính thức theo thứ tự hạng cân từ thấp đến cao và theo mẫu của Ban Tổ chức sau khi cân VĐV)

2.3. Thi đấu đối kháng đồng đội hỗn hợp nam nữ:

Tiểu học		Trung học cơ sở		Trung học phổ thông	
2 Nữ	2 Nam	2 Nữ	2 Nam	2 Nữ	2 Nam
Không quá 80kg	Không quá 100kg	Không quá 100kg	Không quá 120kg	Không quá 120kg	Không quá 140kg

2.4. Thi đấu quyền tiêu chuẩn: cá nhân nam, nữ; đồng đội nam, nữ; đôi nam nữ:

Cấp học	Vòng Loại & Tứ kết thi 2 bài quyền	Vòng Bán kết & Chung kết thi 2 bài quyền
Tiểu học	Bốc thăm 2 trong 8 bài quyền: Taegeuk 3, 4, 5, 6, 7, 8, Koryo	Bốc thăm 2 trong các bài quyền còn lại
Trung học cơ sở	Bốc thăm 2 trong 8 bài quyền: Taegeuk 3, 4, 5, 6, 7, 8, Koryo, Keumgang	
Trung học phổ thông	Bốc thăm 2 trong 8 bài quyền: Taegeuk 4, 5, 6, 7, 8, Koryo, Keumgang, Taebaek	

2.5. Thi đấu quyền sáng tạo: cá nhân nam, nữ; đồng đội nam, nữ; đôi nam nữ và đồng đội phối hợp 05 VĐV (có ít nhất 02 VĐV nam hoặc 02 VĐV nữ).

Lứa tuổi	Bài thi vòng loại (chọn 8 VĐV vào CK)	Bài thi vòng chung kết
Tiểu học	Thi một bài quyền sáng tạo theo quy định của WT: - Thời gian: 90 giây – 100 giây - Năm (05) nhóm kỹ thuật bắt buộc theo trình tự: 1) Bay đá cao 2) Bay đá nhiều mục tiêu trên không 3) Bay đá xoay theo trục đứng 4) Kỹ thuật đối kháng: gồm có kỹ thuật tay chân phối hợp. 5) Nhào lộn có đá theo trục ngang.	
Trung học cơ sở		
Trung học phổ thông		- Kỹ thuật đá chậm 5 - 10 giây (Ap/Tollyeo/Yeop Chagi) - Được quyền sử dụng bất kỳ kỹ thuật nào cho phần giới thiệu và có thể thực hiện kỹ thuật Acrobatic và/hoặc đá xoay bất cứ lúc nào giữa các skills.

2.6. Thi kỹ thuật công phá chân 3 cấp học: 6 nội dung (cá nhân nam, cá nhân nữ): mỗi VĐV thực hiện 4 kỹ thuật bay đá: bay đá cao (Yop Apchagi), bay đá nhiều mục tiêu (Ttwieo Apchagi/Ttwieo Tollyeo Chagi), bay đá xoay trên trục đứng và bay đá tuyệt kỹ.

3. Thể thức thi đấu

- Thi đấu đối kháng cá nhân; đồng đội nam, nữ theo thể thức đấu loại trực tiếp.
- Thi quyền tiêu chuẩn cá nhân nam, nữ; đồng đội nam, nữ; đôi nam nữ theo thể thức đấu thi đấu loại trực tiếp.
- Thi quyền sáng tạo cá nhân nam, nữ; đồng đội nam, nữ; đôi nam nữ, đồng đội phối hợp 05 VĐV theo thể thức vòng tròn.
- Thi kỹ thuật công phá cá nhân nam, nữ; theo thể thức đấu thi đấu loại trực tiếp.

4. Luật thi đấu: áp dụng theo Luật thi đấu và Luật thi quyền Taekwondo thế giới hiện hành.

5. Các quy định khác

5.1. Thời gian thi đấu:

- Đối kháng TH: 3 hiệp x 45 giây, giữa mỗi hiệp nghỉ 1 phút
- Đối kháng THCS: 3 hiệp x 1 phút, giữa mỗi hiệp nghỉ 1 phút
- Đối kháng THPT: 3 hiệp x 1 phút 30 giây, giữa mỗi hiệp nghỉ 1 phút
- Đối kháng đồng đội: 01 hiệp x 4 phút, 1 hiệp 3 phút và 02 hiệp x 3 phút

5.2. VĐV tham dự phải có trình độ chuyên môn từ đai đỏ cấp 4 trở lên.

5.3. Phải mặc võ phục sạch sẽ, đúng quy cách; tóc, móng tay, móng chân cắt ngắn, không được mang trang sức khi thi đấu.

5.4. Phải có bảo hộ tay chân, hạ bộ, bảo vệ răng (đơn vị tự lo); áo giáp, bảo hộ đầu theo đúng quy định (Ban Tổ chức chuẩn bị).

6. Xếp hạng

6.1. Cá nhân, đôi, đồng đội: theo quy định của Luật Taekwondo (Đối kháng và Quyền) hiện hành.

6.2. Toàn đoàn (theo đơn vị trường học): Ban Tổ chức sẽ xếp hạng toàn đoàn của hai nội dung thi quyền và thi đấu đối kháng nam, thi đấu đối kháng nữ.

- Nội dung thi quyền căn cứ vào tổng số huy chương vàng, bạc, đồng mà các đoàn đạt được để xác định vị trí nhất, nhì và ba toàn đoàn. Nếu có nhiều đoàn có số huy chương vàng, bạc, đồng bằng nhau thì đoàn nào có số lượng vận động viên tham dự nhiều hơn sẽ được xếp hạng trên.

- Nội dung thi đấu đối kháng căn cứ vào tổng số huy chương vàng, bạc, đồng của nam và của nữ mà các đoàn đạt được để xác định vị trí nhất, nhì, ba toàn đoàn của nam và nhất, nhì, ba toàn đoàn của nữ. Nếu nhiều đoàn có số huy chương vàng, bạc, đồng của nam hoặc của nữ bằng nhau thì đoàn nào có số lượng vận động viên tham dự nhiều hơn sẽ được xếp hạng trên.

Điều 32. Môn Thể dục Aerobic và Thể dục Cổ động

1. Thời gian - Địa điểm

Nội dung	Thời gian	Địa điểm
- Đăng ký, kiểm tra hồ sơ	Hạn chót ngày 02/3/2023	Trung tâm TDTT Hoa Lư
- Họp lãnh đội và bốc thăm	Ngày 10/3/2023	
- Tập huấn trọng tài	Ngày 17/3/2023	Trung tâm TDTT Quận 4
- Thử sân	Ngày 16 và 17/3/2023	
- Thi đấu	Ngày 18 và 19/3/2023	

2. Nội dung thi đấu

2.1. Aerobic Gymnastics: 6 nội dung gồm đơn nam, đơn nữ; đôi nam nữ; nhóm 3 người; nhóm 5 người; Aerobic Dance.

2.2. Aerobic đồng đội: 3 nội dung gồm Bài quy định 8 người; bài tự chọn 8 người; bài tự chọn 3 người.

2.3 Thể dục Cổ động: 1 nội dung.

3. Đối tượng tham dự:

3.1 Aerobic Gymnastics:

- Tiểu học: Lớp 1 - 5;

- Trung học cơ sở: Lớp 6 - 9;
- Trung học phổ thông: Lớp 10 - 12.

3.2 Aerobic đồng đội:

- Tiểu học: Lớp 1 – 3 và Lớp 4 - 5
- Trung học cơ sở: Lớp 6 - 9
- Trung học phổ thông: Lớp 10 - 12

3.3 Thể dục Cổ động:

- Trung học phổ thông: Lớp 10 - 12

4. Thể thức thi đấu:

- Aerobic Gymnastics: Cá nhân và đồng đội
- Aerobic đồng đội: Đồng đội
- Thể dục Cổ động: Đồng đội

5. Số lượng đăng ký:

5.1 Aerobic Gymnastics: Mỗi đơn vị được phép đăng ký 02 bài thi tham dự ở mỗi nội dung.

5.2 Aerobic đồng đội:

- + Bài quy định 8 người: gồm 8 VĐV chính thức và 2 VĐV dự bị.
- + Bài tự chọn 8 người: gồm 8 VĐV chính thức và 2 VĐV dự bị.
- + Bài tự chọn 3 người: gồm 3 VĐV chính thức và 1 VĐV dự bị.

** Ghi chú: Đội không có vận động viên nam sẽ bị trừ 5 điểm từ Trọng tài trưởng.*

5.3 Thể dục Cổ động:

- + Mỗi đơn vị đăng ký tham dự từ 16 đến 20 vận động viên và 03 VĐV dự bị.
- + Thành viên bảo hiểm: từ 03 đến 05 người (mặc trang phục thể thao khác với trang phục thi đấu của đội)

6. Luật thi đấu:

6.1. Aerobic Gymnastics:

- Đánh giá bài thi theo luật chấm điểm của Liên đoàn Thể dục Thế giới và theo Luật chấm điểm Thể dục Aerobic Gymnastics do Liên đoàn Thể dục Việt Nam ban hành năm 2015.

- Trường hợp hai bài thi bằng điểm sẽ căn cứ vào các điểm theo thứ tự như sau để xếp hạng: Điểm thực hiện – nghệ thuật – độ khó

6.2. Aerobic đồng đội:

- Đánh giá bài thi theo luật chấm điểm của Liên đoàn Thể dục Thể giới và theo Luật chấm điểm Thể dục Aerobic do Liên đoàn Thể dục Việt Nam ban hành năm 2015.

- Trường hợp hai đội bằng điểm sẽ căn cứ vào các điểm theo thứ tự như sau để xếp hạng: Điểm thực hiện – Cấu trúc

6.3. Thể dục Cổ động:

- Đánh giá bài thi theo thang điểm quy định sau:

Tiêu chí chấm điểm	Thang điểm
1. Cổ động (Cheer)	Từ 01 đến 10 điểm
2. Các bước bật (Tumbling- Jump)	Từ 01 đến 10 điểm
3. Tung hứng (Basket Tosses)	Từ 01 đến 05 điểm
4. Các kỹ thuật nâng người (Stunts)	Từ 01 đến 15 điểm
5. Nhào lộn (Tumbling)	Từ 01 đến 05 điểm
6. Tháp (Pyramids)	Từ 01 đến 10 điểm
7. Vũ đạo (Dance)	Từ 01 đến 30 điểm
8. Tổng thể bài thi	Từ 01 đến 15 điểm

- Trường hợp hai đội bằng điểm sẽ căn cứ vào các điểm theo thứ tự như sau để xếp hạng: Vũ đạo – Tổng thể bài thi – Tháp

7. Các quy định khác:

- Vận động viên chỉ được thi đấu 1 trong 3 nội dung (Aerobic Gymnastics hoặc Aerobic đồng đội hoặc Thể dục cổ động).

- Đội vừa thi đấu xong và đội chuẩn bị thi đấu cùng với HLV (mặc trang phục thể thao) phải ngồi đúng vị trí do Ban Tổ chức quy định; Nếu ngồi sai quy định sẽ bị trừ 5 điểm.

- Đơn vị đăng ký tham dự 02 bài thi ở một nội dung nhưng chỉ được phép vào chung kết 01 bài thi có số điểm cao hơn.

- Các vận động viên đã đạt thành tích HCV, HCB, HCD ở các giải quốc gia và quốc tế không được tham dự.

8. Cách xếp hạng:

- **Aerobic Gymnastics:** Ban Tổ chức sẽ xếp hạng và trao huy chương nhất, nhì, ba cho các nội dung đơn nam, đơn nữ, đôi nam nữ, nhóm 3 người, nhóm 5 người và Aerobic Dance

- **Aerobic đồng đội:** Ban Tổ chức sẽ xếp hạng, trao huy chương và cờ thưởng hạng nhất, hạng nhì và hai hạng ba cho các nội dung bài Quy định 8 người, bài Tự chọn 8 người và bài Tự chọn 3 người.

- **Thể dục cổ động:** Ban Tổ chức sẽ xếp hạng, trao huy chương và cờ thưởng hạng nhất, hạng nhì và hai hạng ba cho nội dung Thể dục cổ động.

- **Xếp hạng toàn đoàn** (theo đơn vị trường học): Ban Tổ chức sẽ xếp hạng và trao cờ toàn đoàn cho các đơn vị có số lượng thành tích huy chương theo thứ tự vàng, bạc, đồng.

Điều 33. Môn Việt dã

1. Thời gian - Địa điểm

Nội dung	Thời gian	Địa điểm
Đăng ký, kiểm tra hồ sơ	Hạn chót ngày 14/4/2023	Trung tâm TDTT Thống Nhất
Họp lãnh đội, bốc thăm	Ngày 21/4/2023	
Thi đấu	Ngày 23/4/2023	Trung tâm TDTT Quận 1

2. Nội dung thi đấu

2.1. Khối Tiểu học: chạy 2.000m

2.2. Khối Trung học cơ sở và Trung học phổ thông: nữ chạy 3.000m, nam chạy 4.000m.

3. Số lượng đăng ký

- Cá nhân: mỗi trường học được cử 05 VĐV nam, 05 VĐV nữ tham dự ở mỗi cấp học.

- Đồng đội: theo mục 3 Điều 4 Chương II của Điều lệ này (mỗi đội tối đa 10 người gồm: 05 nam, 05 nữ).

4. Thể thức thi đấu: cá nhân và đồng đội

5. Luật thi đấu: Luật Điền kinh do Tổng cục Thể dục thể thao ban hành.

6. Các quy định khác

- Số đeo do các đơn vị tự trang bị theo hệ thống số đeo của Liên đoàn Điền kinh quy định.

- Lấy 30 người về đầu của mỗi cấp để tính điểm đồng đội. Người về nhất 30 điểm, về nhì 29 điểm, về thứ 30 tính 1 điểm; Đội nào có số điểm cao hơn sẽ được xếp hạng trên. Nếu có nhiều Đội bằng điểm nhau thì Đội nào có VĐV về đầu đạt thứ hạng cá nhân cao hơn sẽ được xếp hạng cao hơn.

- Nhiều đoàn bằng điểm nhau thì đoàn nào có điểm đồng đội nữ Tiểu học cao hơn sẽ được xếp trên.

Ghi chú: khi thi đấu VĐV phải mặc trang phục thể thao và mang giày thể thao, những VĐV không theo đúng quy định sẽ không được thi đấu.

7. Xếp hạng

- Cá nhân: Hạng 01 đến hạng 10 (03 hạng đầu trao huy chương và giải thưởng; hạng 4 đến hạng 10: giải thưởng).

- Đồng đội: Hạng 01 đến hạng 03 (Cờ và giải thưởng).

- Toàn đoàn (theo đơn vị trường học): xếp hạng theo tổng số huy chương vàng, bạc, đồng. Trong trường hợp đồng huy chương, đơn vị nào có VĐV đạt huy chương vàng có độ tuổi nhỏ hơn thì được xếp thứ hạng cao hơn.

Điều 34. Môn Võ cổ truyền

1. Thời gian -Địa điểm

Nội dung	Thời gian	Địa điểm
- Đăng ký, kiểm tra hồ sơ	Ngày 21/11/2022 08g00 - 11g30	CLB Võ Thuật, số 04 Lê Đại Hành, Phường 15, Quận 11
- Cân chính thức	Ngày 22/11/2022 18g00 - 19g00	
- Họp lãnh đội, bốc thăm và cân ký	Ngày 23/11/2022 09g00 - 11g00	
- Thi đấu	Ngày 25- 28/11/2022	NTĐ Đa năng Quận 7

2. Nội dung thi đấu

2.1. Thi đấu quyền biểu diễn

a) Tiểu học:

- Bài căn bản công pháp 27 động tác

+ Nội dung biểu diễn cá nhân cho cả nam và nữ.

+ Nội dung đồng đội (04 VĐV) gồm: đội nam, đội nữ, đội nam + nữ (02 VĐV nam + 02 VĐV nữ).

+ Nội dung tập thể (từ 06 - 10 VĐV) gồm: tập thể nam, tập thể nữ, tập thể nam + nữ (tối thiểu 03 VĐV nam + 03 VĐV nữ).

+ Nội dung đối luyện (từ 02 - 05 VĐV): Nội dung bài thi do từng đơn vị tự biên soạn, yêu cầu phải phù hợp với 03 bài Võ cổ truyền Căn bản công pháp 27 động tác.

- Bài Thần Đồng Quyền

+ Nội dung biểu diễn cá nhân cho cả nam và nữ.2

+ Nội dung đồng đội (04 VĐV) gồm: đội nam, đội nữ, đội nam + nữ (02 VĐV nam + 02 VĐV nữ).

b) Trung học cơ sở:

- Bài căn bản công pháp 36 động tác

+ Nội dung biểu diễn cá nhân cho cả nam và nữ.

+ Nội dung đồng đội (04 VĐV) gồm: đội nam, đội nữ, đội nam + nữ (02 VĐV nam + 02 VĐV nữ).

+ Nội dung tập thể (từ 06 - 10 VĐV) gồm: tập thể nam, tập thể nữ, tập thể nam + nữ (tối thiểu 03 VĐV nam + 03 VĐV nữ).

+ Nội dung đối luyện (từ 02 - 05 VĐV): nội dung bài thi do từng đơn vị tự biên soạn, yêu cầu phải phù hợp với 03 bài Võ cổ truyền Căn bản công pháp II (36 động tác).

- Bài Ngọc Trản Quyền.

+ Nội dung biểu diễn cá nhân cho cả nam và nữ.

+ Nội dung đôi (02 VĐV) gồm: đôi nam, đôi nữ, đôi nam + nữ (01 VĐV nam + 01 VĐV nữ).

+ Nội dung đồng đội (04 VĐV) gồm: đội nam, đội nữ, đội nam + nữ (02 VĐV nam + 02 VĐV nữ).

c) Trung học phổ thông:

- Bài Căn bản công pháp 45 động tác

+ Nội dung biểu diễn cá nhân cho cả nam và nữ.

+ Nội dung đồng đội (04 VĐV) gồm: đội nam, đội nữ, đội nam + nữ (02 VĐV nam + 02 VĐV nữ).

+ Nội dung tập thể (từ 06 - 10 VĐV) gồm: tập thể nam, tập thể nữ, tập thể nam + nữ (tối thiểu 03 VĐV nam + 03 VĐV nữ).

+ Nội dung đối luyện (từ 02 - 05 VĐV): nội dung bài thi do từng đơn vị tự biên soạn, yêu cầu phải phù hợp với 03 bài Võ cổ truyền căn bản công pháp số III (45 động tác).

- Bài Lão Mai Quyền

+ Nội dung biểu diễn cá nhân cho cả nam và nữ.

+ Nội dung đôi (02 VĐV) gồm: đôi nam, đôi nữ, đôi nam + nữ (01 VĐV nam + 01 VĐV nữ).

+ Nội dung đồng đội (04 VĐV) gồm: đội nam, đội nữ, đội nam + nữ (02 VĐV nam + 02 VĐV nữ).

2.2. Thi đấu đối kháng

a) Tiểu học: 04 hạng cân nam, 04 hạng cân nữ

- Nam: dưới 36 kg (Trên 33kg), - 39 kg, - 42 kg, - 45 kg.

- Nữ: dưới 36 kg (Trên 33kg), - 39 kg, - 42 kg, - 45 kg.

b) Trung học cơ sở: 08 hạng cân nam, 06 hạng cân nữ

- Nam: dưới 39kg (Trên 36), - 42kg, - 45 kg, - 48kg, - 51kg, - 54kg, - 57kg và trên 57kg.

- Nữ: dưới 39kg (Trên 36), - 42kg, - 45kg, - 48kg, - 51kg và trên 51kg.

c) Trung học phổ thông: 08 hạng cân nam, 06 hạng cân nữ

- Nam: dưới 48kg (Trên 45), - 51kg, - 54kg, - 57kg, - 60kg, - 64kg, - 68kg và trên 68kg.

- Nữ: dưới 45kg (Trên 42), - 48kg, - 51kg, - 54kg, - 57kg và trên 57kg.

3. Thể thức thi đấu: loại trực tiếp

4. Luật thi đấu: thi đấu theo Luật Võ Cổ truyền Việt Nam do Tổng cục Thể dục thể thao ban hành năm 2020.

5. Các quy định khác

- Mỗi cấp học (thuộc thành phố Thủ Đức, các quận, huyện), các Trường năng khiếu TDTT được cử đại diện tối đa 08 nội dung thi đấu quyền thuật cho mỗi cấp học.

- Mỗi VĐV chỉ được đăng ký tham gia thi đấu tối đa 03 nội dung.

- Thời gian thi đấu đối kháng cho cấp Tiểu học: 60 giây x 3 hiệp, giữa mỗi hiệp nghỉ 45 giây.

- Thời gian thi đấu đối kháng cho cấp THCS-THPT: 120 giây x 3 hiệp, giữa mỗi hiệp nghỉ 60 giây.

- Trang phục: trang phục Võ Cổ truyền Việt Nam theo quy định của Liên đoàn Võ Cổ truyền Việt Nam.

- Các vận động viên phải có bảo hộ hạ bộ, bảo vệ răng, bảo hộ chỏ (đơn vị tự lo) áo giáp, găng tay, bảo hộ đầu theo đúng quy định (Ban Tổ chức chuẩn bị).

6. Xếp hạng

6.1. Đối kháng: xếp hạng nhất, nhì và đồng hạng ba cho mỗi nội dung.

6.2. Thi quyền: xếp hạng nhất, nhì, ba cho mỗi nội dung.

6.3. Toàn đoàn (theo đơn vị trường học): xếp hạng theo thứ tự tổng số huy chương vàng, bạc, đồng đạt được. Nếu số lượng huy chương bằng nhau, đơn vị nào có VĐV đạt huy chương vàng có độ tuổi nhỏ hơn thì được xếp thứ hạng cao hơn.

Điều 35. Môn Vovinam - Việt Võ Đạo

1. Thời gian - Địa điểm

Nội dung	Thời gian	Địa điểm
- Đăng ký, kiểm tra hồ sơ	09g30 - 15g30 ngày 01/3/2023	Nhà thi đấu TDTT Phú Thọ, số 221 Lý Thường Kiệt, Quận 11
- Họp lãnh đội, bốc thăm	08g ngày 07/3/2023	
- Thi đấu	Ngày 09 - 17/3/2023	

2. Nội dung thi đấu

2.1. Thi đấu đối kháng: 53 bộ huy chương.

a) Tiểu học: 8 hạng cân nam, 8 hạng cân nữ

- Nam: dưới 32kg, 34kg, 36kg, 38kg, 40kg, 42kg, 45kg, 48kg.

- Nữ: dưới 32kg, 34kg, 36kg, 38kg, 40kg, 42kg, 45kg, 48kg.

b) Trung học cơ sở: 10 hạng cân nam, 8 hạng cân nữ

- Nam: dưới 39kg (*trên 33kg*), 42kg, 45kg, 48kg, 51kg, 54kg, 57kg, 60kg, 64kg và trên 64kg (không quá 68kg).

- Nữ: dưới 39kg (*trên 33kg*), 42kg, 45kg, 48kg, 51kg, 54kg, 57kg và 60kg.

c) Trung học phổ thông: 10 hạng cân nam, 9 hạng cân nữ

- Nam: dưới 39kg (*trên 33kg*), 42kg, 45kg, 48kg, 51kg, 54kg, 57kg, 60kg, 64kg và 68kg.

- Nữ: dưới 39kg (*trên 33kg*), 42kg, 45kg, 48kg, 51kg, 54kg, 57kg, 60kg và 64kg.

2.2. Thi quyền: 32 bộ huy chương.

a) Tiểu học: 6 bộ huy chương

- Đơn luyện Nam: Thập tự quyền.

- Đơn luyện nữ: Thập tự quyền.

- Quyền đồng đội nam: Long hổ quyền (mỗi đội gồm 05 VĐV, bài thi kết hợp với nhạc nền thiếu nhi Việt Nam – tự chọn).

- Quyền đồng đội nữ: Thập tự quyền (mỗi đội gồm 05 VĐV, bài thi kết hợp với nhạc nền thiếu nhi Việt Nam - tự chọn).

- Võ nhạc Vovinam đồng đội nam bài số 1: mỗi đội gồm 10 VĐV.

- Võ nhạc Vovinam đồng đội nữ bài số 1: mỗi đội gồm 10 VĐV.

b) Trung học cơ sở: 10 bộ huy chương

- Đơn luyện nam: Tứ trụ quyền, Tinh hoa lưỡng nghi kiếm pháp.

- Đơn luyện nữ: Long hổ quyền, Tinh hoa lưỡng nghi kiếm pháp.

- Song luyện nam: Song luyện 1.

- Song luyện nữ: Song luyện 1.

- Quyền đồng đội nam: Long hổ quyền (mỗi đội gồm 05 VĐV, bài thi kết hợp với nhạc nền Việt Nam - tự chọn).

- Quyền đồng đội nữ: Thập tự quyền (mỗi đội gồm 05 VĐV, bài thi kết hợp với nhạc nền Việt Nam - tự chọn).

- Võ nhạc Vovinam đồng đội nam bài số 2: mỗi đội gồm 10 VĐV.

- Võ nhạc Vovinam đồng đội nữ bài số 2: mỗi đội gồm 10 VĐV.

c) Trung học phổ thông: 16 bộ huy chương

- Đơn luyện nam: Ngũ môn quyền, Tứ tượng côn pháp.

- Đơn luyện nữ: Long hổ quyền, Tinh hoa lưỡng nghi kiếm pháp.

- Song luyện nam: Song luyện 3.

- Song luyện nữ: Song luyện 2.

- Đòn chân tấn công nam: mỗi đội gồm 04 VĐV, thi tổng cộng 08 đòn chân (mỗi VĐV thực hiện 02 đòn chân, sử dụng các đòn chân số: 7, 8, 9, 11, 12, 14, 17, 18).

- Tự vệ nữ: thực hiện tối thiểu 05 đòn thế cơ bản Vovinam, (thời gian thực hiện bài thi tối đa là 03 phút).

- Đa luyện nam: Đa luyện tay không nam, Đa luyện vũ khí nam.

- Đa luyện nữ: Đa luyện tay không nữ, Đa luyện vũ khí nữ.

- Quyền đồng đội nam: Long hổ quyền (mỗi đội gồm 05 VĐV, bài thi kết hợp với nhạc nền Việt Nam - tự chọn).

- Quyền đồng đội nữ: Thập tự quyền (mỗi đội gồm 05 VĐV, bài thi kết hợp với nhạc nền Việt Nam - tự chọn).

- Võ nhạc Vovinam đồng đội nam bài số 2: mỗi đội gồm 10 VĐV.

- Võ nhạc Vovinam đồng đội nữ bài số 2: mỗi đội gồm 10 VĐV.

* Cách xếp hạng: xếp hạng theo thứ tự từ điểm cao đến điểm thấp cho từng bài thi. Nếu có 02 hay nhiều vận động viên, tập thể bằng điểm nhau thì xét vận động viên, tập thể nào có 1,2.../5 trọng tài chấm điểm cao hơn sẽ được xếp thứ hạng trên. Nếu vẫn bằng nhau thì xếp đồng hạng (đối với đồng số điểm đạt huy chương đồng). Riêng trường hợp đồng số điểm đạt huy chương vàng, huy chương bạc, các vận động viên, tập thể sẽ tiếp tục thi lại nội dung đó để xác định thứ hạng.

3. Thể thức thi đấu

- Đối kháng: thi đấu xếp hạng từng hạng cân nam, nữ theo thể thức đối kháng loại trực tiếp 1 lần thua.

- Thi quyền: thi đấu xếp hạng các nội dung đơn luyện, đôi (song luyện, tự vệ nữ), đồng đội (đòn chân tấn công nam, đa luyện, quyền đồng đội, võ nhạc đồng đội) nam, nữ.

4. Luật thi đấu: áp dụng Luật thi đấu Vovinam sửa đổi, bổ sung do Tổng cục Thể dục thể thao ban hành theo Quyết định số 304/QĐ-TCTDTT ngày 23 tháng 3 năm 2018.

5. Các quy định khác

5.1. Mỗi cấp học (thuộc thành phố Thủ Đức, các quận, huyện), các Trường năng khiếu TDTT được cử đại diện tối đa 04 tiết mục cho mỗi thể loại thi quyền theo từng cấp học.

5.2. Quy định về thời gian:

- Ban Tổ chức sẽ không nhận hồ sơ không đúng thủ tục và trễ hạn.

- Trong ngày nộp hồ sơ thi đấu, các đơn vị không thực hiện hồ sơ theo quy định của Điều lệ sẽ bị loại.

- Các đoàn sẽ được điều chỉnh, bổ sung nội dung thi đấu trước 17g00 ngày 09/3/2021, đăng ký gửi qua email: liendoanvovinamtphcm@gmail.com, các đơn vị không gửi điều chỉnh đăng ký, xem như không thay đổi so với đăng ký ban đầu.

- Trong ngày họp lãnh đội, bốc thăm, các đơn vị sẽ không được thay đổi nội dung đăng ký thi đấu.

5.3. Quy định về bài thi:

a) Bài Võ nhạc Vovinam số 2: do Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố ngày 09/7/2020, tổ chức thi cấp THCS và THPT, thời gian quy định từ 02 phút 30 giây đến 03 phút 10 giây.

b) Về độ khó bài thi:

- Tháp: Cấp Trung học cơ sở, Trung học phổ thông: tối thiểu 02 tháp.

- Đội hình di chuyển: tối thiểu 02 đội hình trở lên.

+ Được công nhận đội hình: khi di chuyển từ đội hình ban đầu thành đội hình khác hẳn và thực hiện động tác trong 01 khuôn nhạc tiếp theo.

+ Không được công nhận đội hình: trong trường hợp các VĐV chỉ thay đổi vị trí (hoặc di chuyển liên tục) mà không thực hiện động tác kỹ thuật hoặc chỉ đổi hướng đánh không di chuyển đội hình.

- Được phép xây dựng hiệu ứng trong bài như: hiệu ứng làn sóng, di chuyển đổi hướng nhưng vẫn đảm bảo đúng thế Tấn và động tác tay đúng theo quy định. Được xây dựng động tác phối hợp, tối thiểu có 04 VĐV thực hiện đúng động tác chuyên môn theo bài quy định.

- Các động tác kỹ thuật Vovinam bắt buộc phải thực hiện đúng thứ tự động tác theo quy định, đảm bảo đúng kỹ thuật chuyên môn Vovinam.

- Âm nhạc: các đơn vị chuyển nhạc đến BTC trước giờ thi đấu 60 phút, sử dụng nhạc có chất lượng âm thanh tốt, các đơn vị tự chịu trách nhiệm về nội dung và bản quyền.

- Kết quả bài thi được đánh giá bằng tổng số điểm của 3/5 trọng tài giám định (bỏ điểm cao nhất và thấp nhất).

c) Cách xếp hạng: xếp hạng theo thứ tự từ điểm cao đến điểm thấp cho từng bài thi. Nếu có 02 hay nhiều vận động viên, tập thể bằng điểm nhau thì xét vận động viên, tập thể nào có 1,2.../5 trọng tài chấm điểm cao hơn sẽ được xếp thứ hạng trên. Nếu vẫn bằng nhau thì xếp đồng hạng (đối với đồng số điểm đạt huy chương đồng). Riêng trường hợp đồng số điểm đạt huy chương vàng, huy chương bạc, các vận động viên, tập thể sẽ tiếp tục thi lại nội dung đó để xác định thứ hạng.

5.4. Quy định chuyên môn:

- VĐV phải có trình độ chuyên môn từ Lam đai trở lên (không áp dụng cho các VĐV thi nội dung Võ nhạc Vovinam Đồng đội). Thẻ chuyên môn do Liên đoàn Việt Võ Đạo TPHCM cấp (từ Lam đai tam cấp trở xuống) hoặc do Liên đoàn Vovinam Việt Nam cấp (từ Hoàng đai trở lên).

- Các huấn luyện viên, săn sóc viên có tên trong danh sách đăng ký của đoàn nào chỉ được quyền chỉ đạo đoàn đó.

- Các đơn vị không tham dự nội dung thi quyền sẽ không được xếp hạng toàn đoàn.

- Cân VDV: các đơn vị chỉ được cân 01 lượt duy nhất cho tất cả VDV đôi kháng của đơn vị mình theo thứ tự bốc thăm trong ngày họp lãnh đội.

- Trọng tài làm nhiệm vụ do Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố phối hợp với Liên đoàn Vovinam Thành phố điều động.

- Trang phục thi đấu:

+ Trung học cơ sở, Trung học phổ thông: võ phục đai màu vàng, bảo hộ tay chân, bảo vệ hạ bộ, bảo hộ răng, găng, giáp, mũ bảo hộ... của VDV do đơn vị tự trang bị theo đúng quy định chuyên môn Vovinam.

+ Vận động viên phải mặc võ phục đúng quy cách (không mang tên Việt Nam, tên tỉnh, thành, ngành, không in hoặc thêu cờ quốc gia trước, sau lưng và các loại cờ, logo ngoài quy định của Ban Tổ chức), tóc sạch gọn, móng tay, móng chân cắt ngắn, không mang trang sức khi thi đấu; giày thể thao đế bằng, đồng bộ kiểu, màu sắc (áp dụng mang giày đối với nội dung thi Võ nhạc).

+ Huấn luyện viên và Săn sóc viên: áo thun thể thao (không mang tên Việt Nam, tên tỉnh, thành, ngành, không in, thêu cờ quốc gia trước và sau lưng), quần dài thể thao (chiều dài ngang mắt cá chân), giày thể thao.

- Mọi chi tiết liên hệ:

+ Ông Nguyễn Bình Định, Trưởng Bộ môn Vovinam, Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố, Điện thoại: 0983095114.

+ Ông Nguyễn Phương Thanh, Thư ký Liên đoàn Vovinam Thành phố, Điện thoại: 0785172789; Email: liendoanvovinamtphcm@gmail.com.

6. Xếp hạng

6.1. Đôi kháng: xếp hạng nhất, nhì và đồng hạng ba cho mỗi nội dung.

6.2. Thi quyền: xếp hạng nhất, nhì, ba cho mỗi nội dung.

6.3. Toàn đoàn (theo đơn vị trường học): xếp hạng theo thứ tự tổng số huy chương vàng, bạc, đồng đạt được. Nếu số lượng huy chương bằng nhau, đơn vị nào có VDV đạt huy chương vàng có độ tuổi nhỏ hơn thì được xếp thứ hạng cao hơn.

Điều 36. Môn Wushu

1. Thời gian - Địa điểm

Nội dung	Thời gian	Địa điểm
- Đăng ký, kiểm tra hồ sơ	Ngày 03/3/2023	Nhà tập luyện Thể thao Phú thọ
- Cân VDV Tán thủ	Lúc 09g00, ngày 15/3/2023	
- Họp lãnh đội, bốc thăm	Từ 17g00 - 20g00, ngày 15/3/2023	
- Thi đấu	Ngày 16 - 19/3/2023	

2. Nội dung thi đấu

2.1. Bài thi Taolu:

a) Trung cấp:

- Thi đấu bài quy định số 1 nhóm A gồm các nội dung thi đấu của nam và nữ: Nam quyền; Nam đao, Nam côn, Thái cực quyền 42 thức; Thái cực kiếm 42 thức.

- Thi đấu bài quy định số 2 nhóm A gồm các nội dung thi đấu của nam và nữ: Trường quyền, Đao thuật, Kiếm thuật, Côn thuật, Thương thuật.

b) Sơ cấp:

- Thi đấu bài sơ cấp nhóm B gồm các nội dung thi đấu của nam và nữ: Trường quyền; Nam quyền; Thái cực quyền 24 thức; Thái cực kiếm 32 thức; Đao thuật; Kiếm thuật; Côn thuật; Thương thuật.

- Thi đấu bài sơ cấp nhóm C gồm các nội dung thi đấu của nam và nữ: Trường quyền (số 3); Nam quyền; Thái cực quyền 24 thức; Đao thuật; Kiếm thuật; Côn thuật; Thương thuật.

c) Nội dung bài thi cho các bậc học

- Tiểu học: gồm các nội dung Sơ cấp.

- Trung học cơ sở: gồm các nội dung Sơ cấp.

- Trung học phổ thông: gồm các nội dung Trung cấp.

2.2. Thi đấu Tán thủ:

a) Nhóm Trung học cơ sở: 5 hạng cân nam, 5 hạng cân nữ.

- Nam: dưới 48kg, 52kg, 56kg, 60kg, 65kg.

- Nữ: dưới 42kg, 45kg, 48kg, 52kg, 56kg.

b) Nhóm Trung học phổ thông: 6 hạng cân nam, 6 hạng cân nữ.

- Nam: dưới 48kg, 52kg, 56kg, 60kg, 65kg, 70kg

- Nữ: dưới 45kg, 48kg, 52kg, 56kg, 60kg, 65kg

3. Thể thức thi đấu: thi quyền và đối kháng (loại trực tiếp).

4. Luật thi đấu

4.1. Taolu: Áp dụng thi đấu theo Luật Wushu Taolu do Tổng cục Thể dục thể thao ban hành năm 2020.

4.2. Tán thủ: Áp dụng thi đấu theo Luật Wushu Sanda do Tổng cục Thể dục thể thao ban hành năm 2020.

5. Các quy định khác

5.1. Taolu:

- VĐV tham dự thi đấu phải tự túc trang phục và binh khí theo quy định của Luật thi đấu Wushu quốc gia.

- Mỗi VĐV được quyền đăng ký không quá 03 nội dung thi đấu (Quyền, binh khí ngắn, binh khí dài).

- Bài thi Thái cực quyền, Thái cực kiếm bắt buộc có nhạc.

- Thời gian thi đấu của nhóm A.
- Thái cực quyền 42 thức từ 5 - 6 phút.
- Thái cực kiếm 42 thức từ 3 - 4 phút.
- Các bài thi khác từ 1 phút 20 trở lên.

5.2. Tán thủ:

- Thời gian thi đấu mỗi hiệp 1 phút 30”.
- Các vận động viên thi đấu Tán thủ phải mặc trang phục, các dụng cụ bảo vệ theo quy định của Luật thi đấu Wushu quốc gia, tự trang bị Kuki, bịt răng. Áp dụng thi đấu theo Luật Wushu Sanda do Tổng cục Thể dục thể thao ban hành năm 2020. Ban Tổ chức cung cấp các trang thiết bị thi đấu: mũ, găng, giáp thi đấu.

6. Xếp hạng

- 6.1. Đối kháng: xếp hạng nhất, nhì và đồng hạng ba cho mỗi nội dung.
- 6.2. Thi quyền: xếp hạng nhất, nhì, ba cho mỗi nội dung.
- 6.3. Toàn đoàn (theo đơn vị trường học): xếp hạng theo thứ tự tổng số huy chương vàng, bạc, đồng đạt được. Trong trường hợp đồng huy chương, đơn vị nào có VĐV đạt huy chương vàng có độ tuổi nhỏ hơn thì được xếp thứ hạng cao hơn.

Chương IV **KHIẾU NẠI - KỶ LUẬT**

Điều 37. Khiếu nại

1. Các khiếu nại về chuyên môn, kỹ thuật

a) Chỉ có lãnh đạo đoàn, huấn luyện viên mới có quyền khiếu nại, khiếu nại bằng văn bản kèm theo 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng) nộp cho Ban Trọng tài khi xảy ra sự việc (trong 15 phút). Các khiếu nại về chuyên môn, kỹ thuật do Ban Trọng tài phối hợp Ban Tổ chức môn thi đó xử lý, giải quyết tại chỗ. Ban Trọng tài cuộc thi phải giải quyết trước khi buổi thi đấu kết thúc.

b) Mọi cá nhân, đơn vị có liên quan phải chấp hành các quyết định của Ban Trọng tài cuộc thi về những vấn đề khiếu nại. Nếu thấy chưa thỏa đáng có quyền khiếu nại lên Ban Tổ chức Giải TTHS, nhưng không được cố tình kéo dài cuộc thi hoặc bỏ cuộc.

2. Các khiếu nại về nhân sự

Lãnh đạo Đoàn gửi văn bản khiếu nại cho Ban Tổ chức cuộc thi; trường hợp chưa có đủ điều kiện xử lý ngay, nhân sự bị khiếu nại vẫn đủ điều kiện dự thi, Ban Tổ chức sẽ bảo lưu để thẩm tra và xử lý sau (chậm nhất là 5 ngày sau khi giải TTHS từng môn kết thúc) và thông báo lại với đơn vị có đơn khiếu nại bằng văn bản.

Điều 38. Kỷ luật

- Bất kỳ cá nhân, đơn vị vi phạm Điều lệ, những quy định của Ban Tổ chức Giải Thể thao học sinh, Ban Tổ chức từng môn thể thao trong chương trình Giải Thể thao học sinh và có hành vi bỏ cuộc, kích động bỏ cuộc, tự ý kéo dài thời gian trong mọi tình huống, tùy theo mức độ vi phạm sẽ áp dụng hình thức kỷ luật từ phê bình, cảnh cáo đến tước quyền thi đấu của VĐV, quyền chỉ đạo, hủy bỏ thành tích thi đấu của cá nhân vi phạm và của đồng đội có cá nhân vi phạm.

- Nếu đơn vị khiếu nại sai sự thật, tùy theo mức độ vi phạm BTC sẽ có biện pháp xử lý phù hợp.

Chương V

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ - KHEN THƯỞNG

Điều 39. Đánh giá kết quả

Căn cứ vào kết quả thi đấu của các đơn vị tại Giải TTTHS cấp thành phố để tiến hành đánh giá, xếp hạng các đơn vị tham dự. Hệ số các môn thể thao tính theo quy định của tiêu chí và bảng điểm thi đua năm 2023 của ngành Thể dục thể thao hiện hành như sau:

1. Đối với thành phố Thủ Đức và các quận, huyện

Căn cứ theo tổng thành tích huy chương các VĐV là học sinh của trường thuộc các đơn vị tham gia thi đấu tại Giải cấp thành phố:

- a) Hệ số 10: Bóng đá chính thức (11 người);
- b) Hệ số 07: Bóng đá từ 7 đến 9 VĐV thi đấu trên sân;
- c) Hệ số 5: Bóng đá mini, Bóng chuyền, Bóng rổ, Bóng ném, Futsal, Kéo co, Aerobic (8 người), Thể dục cổ động.
- d) Hệ số 3: Bóng chuyền Tiểu học, đồng đội môn Bóng bàn, Cầu lông, Cầu mây, Quần vợt.
- e) Hệ số 1: các môn thể thao và nội dung còn lại.

2. Đối với trường học

a) Căn cứ theo tổng thành tích huy chương các VĐV là học sinh của trường tham gia thi đấu tại Giải cấp thành phố, nếu trường có nhiều chi nhánh thì thành tích được tính cho trường có Trụ sở chính.

b) Mỗi VĐV đạt huy chương cá nhân hoặc đạt huy chương trong thành phần các giải đồng đội được tính hệ số 1 (VĐV trong đội phải là thành viên thực tế có tham dự thi đấu, có đăng ký chính thức theo Luật và Điều lệ từng môn quy định).

c) Quy định xếp hạng theo trình tự như sau:

- Theo trình tự số huy chương vàng, bạc, đồng.

- Theo trình tự số huy chương vàng, bạc, đồng từ cấp học nhỏ đến cấp học lớn.

d) Việc tổ chức và cử học sinh tham dự Giải TTHS là một trong các tiêu chí đánh giá thi đua cuối năm của các trường và các Phòng Giáo dục và Đào tạo.

Điều 40. Khen thưởng

1. Căn cứ vào kết quả thi đấu của từng cá nhân và tập thể, BTC Giải TTHS Thành phố khen thưởng như sau:

1.1. Ban Tổ chức sẽ trao huy chương, giải thưởng, cờ cho các cá nhân, đôi, đội đạt hạng nhất, nhì, ba và đồng hạng ba theo Luật thi đấu từng môn:

a) Điều kiện trao Giải đồng hạng ba:

- Đối với các môn cá nhân: mỗi nội dung phải có số lượng từ 08 VĐV trở lên (trừ các môn thi đấu vòng tròn xếp hạng, xác định thứ hạng chung cuộc dựa trên thành tích tính thời gian cụ thể...).

- Đối với các môn tập thể: mỗi nội dung phải có số lượng từ 06 đội trở lên (trừ các môn thi đấu vòng tròn xếp hạng).

b) Ban Tổ chức sẽ trao giải toàn đoàn hạng nhất, nhì, ba cho các đơn vị tham dự và đạt thành tích cao nhất xếp theo thứ tự vàng, bạc, đồng.

1.2. Trên cơ sở báo cáo kết quả và danh sách các trường đạt thành tích của Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Giáo dục và Đào tạo sẽ cấp Giấy chứng nhận thành tích cho các học sinh đạt giải ở cấp THPT; đơn vị thành phố Thủ Đức và các quận, huyện có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận cho cấp THCS cần lập toàn thể danh sách vận động viên đạt thành tích, có xác nhận của đơn vị chủ quản và gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo (thông qua Phòng Chính trị tư tưởng).

2. Căn cứ vào kết quả thi đấu Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Giáo dục và Đào tạo sẽ khen thưởng và đề xuất khen thưởng như sau:

a) Tặng Cờ thi đua cho phòng Giáo dục và Đào tạo của thành phố Thủ Đức và các quận, huyện trên cơ sở thành tích dẫn đầu về số lượng tổng sắp huy chương cấp thành phố đối với cấp Tiểu học, Trung học cơ sở.

b) Tặng Cờ thi đua cho Trung tâm Văn hóa - Thể thao, Trung tâm Thể dục thể thao, Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền Thông của thành phố Thủ Đức và các quận, huyện trên cơ sở thành tích dẫn đầu về số lượng tổng sắp huy chương cấp thành phố đối với 3 cấp.

CỤM	Phòng Giáo dục	TT.TDĐT; TT.VHTT; TT.VHTTTT
I, II, III, IV	03 đơn vị	03 đơn vị

c) Tặng giấy khen cho các trường học trên cơ sở thành tích dẫn đầu về số lượng tổng sắp huy chương cấp thành phố đối với 3 cấp học như sau:

CỤM	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông
I	7	4	3
II	8	5	3
III	6	4	2
IV	4	2	2

d) Tặng giấy khen đối với các liên đoàn, hội và các Bộ môn đã có nhiều hoạt động hỗ trợ, vận động tài trợ cho các môn thể thao góp phần thu hút đông đảo lực lượng học sinh tham dự giải.

e) Đề xuất bằng khen của Ủy ban nhân dân Thành phố đối với các cá nhân, tập thể đặc biệt xuất sắc trong công tác phối hợp tổ chức, đăng cai giải và vận động được nhiều nguồn kinh phí xã hội hóa phục vụ cho Giải Thể thao học sinh Thành phố.

Điều 41. Tổng hợp và báo cáo số liệu

1. Đối với các bộ môn thể thao

Sau thời hạn 10 ngày (kể từ ngày kết thúc giải), các bộ môn phải nộp báo cáo công tác tổ chức, kết quả thi đấu và danh sách các trường đạt thành tích đỉnh kèm tập tin Excel gửi về Phòng Quản lý Thể dục thể thao, Sở Văn hóa và Thể thao theo địa chỉ: khoadn@upes.edu.vn (theo mẫu số 4, 5).

2. Đối với Trung tâm TDTT, Trung tâm VH TT, Trung tâm VHTTTT thành phố Thủ Đức và các quận, huyện

2.1. Báo cáo về hoạt động Giải TT HS của thành phố Thủ Đức và quận, huyện về cho Ban Tổ chức cấp thành phố (thông qua Phòng Quản lý Thể dục thể thao) đúng thời hạn quy định. Hạn chót nộp báo cáo ngày 31 tháng 3 năm 2022; các đơn vị không nộp báo cáo đúng thời hạn sẽ bị trừ điểm thi đua vào “Chỉ tiêu sự nghiệp TDTT năm 2023”.

2.2. Hồ sơ (có xác nhận của BTC Giải TT HS thành phố Thủ Đức và các quận, huyện):

- Kế hoạch, Điều lệ các môn TT HS cấp thành phố Thủ Đức và các quận, huyện.

- Báo cáo tổng kết giải, các số liệu theo mẫu tổng hợp (theo mẫu số 6).

3. Đối với Phòng Giáo dục và Đào tạo và các trường Trung học phổ thông

- Phòng Giáo dục và Đào tạo: báo cáo công tác tổ chức Giải TT HS cấp cơ sở (Tiểu học, THCS) và số liệu tham dự Giải TT HS cấp thành phố Thủ Đức, quận, huyện và cấp thành phố của các trường về Sở Giáo dục và Đào tạo (theo mẫu số 8). Hạn chót nộp báo cáo ngày 15 tháng 4 năm 2023.

- Các trường THPT tổng hợp số liệu tổ chức Giải TTHS cấp trường học và số liệu tham dự Giải TTHS cấp thành phố Thủ Đức, quận, huyện và cấp thành phố của các trường THPT về Sở Giáo dục và Đào tạo (theo mẫu số 7). Hạn chót nộp báo cáo ngày 15 tháng 4 năm 2023.

(Báo cáo bằng văn bản và file Excel gửi về phòng Chính trị tư tưởng, Sở Giáo dục và Đào tạo, địa chỉ email: tnnhan.sgddt@tphcm.gov.vn).

4. Đối với các liên đoàn, hội, bộ môn thể thao Thành phố

- Hỗ trợ thành phố Thủ Đức và các quận, huyện tổ chức từng môn thể thao có liên quan tại cơ sở và hoàn thành tốt công tác tổ chức Giải Thể thao học sinh cấp thành phố.

- Sau thời hạn 10 ngày, kể từ ngày kết thúc giải, các liên đoàn, hội (BTC giải từng môn) phối hợp bộ môn hoàn thiện văn bản báo cáo với đầy đủ thông tin gồm: kết quả tổ chức giải, danh sách VĐV đạt thành tích, các trường đạt thành tích, đồng thời đính kèm tập tin Excel gửi về Phòng Quản lý Thể dục thể thao theo địa chỉ mail: khoadn@upes.edu.vn

Điều 42. Kinh phí tổ chức

Kinh phí tổ chức, thi đấu hoặc tham dự của đội tuyển cấp nào do cấp đó chịu trách nhiệm bao gồm ngân sách nhà nước và vận động các nguồn lực xã hội hỗ trợ.

Điều 43. Thẩm quyền sửa đổi Điều lệ

Chỉ có Ban Tổ chức Giải Thể thao học sinh Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2022 - 2023 mới có quyền sửa đổi hoặc bổ sung Điều lệ này. /.

Nơi nhận:

- BGĐ Sở VH TT và Sở GDĐT;
- Phòng VH TT, Phòng GDĐT TP.Thủ Đức và 21 QH;
- TT.TD TT, VH TT, VHTTTT TP.Thủ Đức và 21 QH;
- Các trường TH, THCS, THPT, TTGD TX, trường khác;
- Trường THPT chuyên NK TD TT Nguyễn Thị Định;
- Trường THPT NK TD TT TPHCM;
- Trường THPT NK TD TT huyện Bình Chánh;
- Các phòng, đơn vị và bộ môn có liên quan;
- Lưu: VT, CTTT, QLTD TT, (K), 90

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Mai Bá Hùng

MỤC LỤC

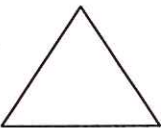
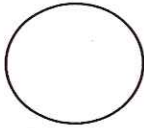
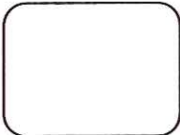
Chương I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Mục đích - Yêu cầu.....	1
Điều 2. Hệ thống thi đấu.....	2
Chương II: GIẢI THỂ THAO HỌC SINH CẤP THÀNH PHỐ	4
Điều 3. Các môn thể thao thi đấu cấp thành phố (28 môn)	4
Điều 4. Đối tượng tham dự.....	4
Điều 5. Độ tuổi tham dự.....	5
Điều 6. Đăng ký thi đấu.....	6
Điều 7. Quy định về tổ chức thi đấu.....	6
Điều 8. Biểu tượng Giải.....	7
Chương III: NỘI DUNG THI ĐẤU	7
Điều 9. Môn Bắn súng.....	7
Điều 10. Môn Bóng bàn	8
Điều 11. Môn Bóng chuyền.....	10
Điều 12. Môn Bóng đá	11
Điều 13. Môn Bóng ném	15
Điều 14. Môn Bóng rổ	16
Điều 15. Môn Bơi lội.....	17
Điều 16. Môn Cầu lông	18
Điều 17. Môn Cầu mây.....	20
Điều 18. Môn Cờ tướng.....	22
Điều 19. Môn Cờ vua	23
Điều 20. Môn Cử tạ	23
Điều 21. Môn Đá cầu.....	25
Điều 22. Môn Đẩy gậy	26
Điều 23. Môn Điện kinh	27
Điều 24. Môn Futsal	30
Điều 25. Môn Judo	33
Điều 26. Môn Karate	34
Điều 27. Môn Kéo co	36
Điều 28. Môn Pencak Silat.....	38
Điều 29. Môn Petanque (Bi sắt)	39
Điều 30. Môn Quần vợt.....	40
Điều 31. Môn Taekwondo.....	41
Điều 32. Môn Thể dục Aerobic và Thể dục Cổ động.....	44
Điều 33. Môn Việt dã	44
Điều 34. Môn Võ cổ truyền.....	48
Điều 35. Môn Vovinam - Việt Võ Đạo	50
Điều 36. Môn Wushu.....	54
Chương IV: KHIẾU NẠI – KỶ LUẬT	56
Điều 37. Khiếu nại.....	56
Điều 38. Kỷ luật	57
Chương V: ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ – KHEN THƯỞNG.....	57
Điều 39. Đánh giá kết quả.....	57
Điều 41. Tổng hợp và báo cáo số liệu	59
Điều 42. Kinh phí tổ chức	60
Điều 43. Thẩm quyền sửa đổi Điều lệ.....	60

PHỤ LỤC

Môn Thể thao; thời gian và địa điểm tổ chức
(Giải Thể thao học sinh cấp Thành phố năm học 2022 - 2023)

TT	Môn	Thời gian	Địa điểm
1	Bắn súng	04 - 12/3/2023	Trung tâm TDTT Quận 1
2	Bóng bàn	01 - 12/3/2023	Trung tâm TDTT Hoa Lư
3	Bóng chuyền	15 - 28/02/2023	Nhà thi đấu TDTT Phú Thọ
4	Bóng đá	27/10/2022 - 06/3/2023	Thông báo sau
5	Bóng ném	01 - 31/3/2023	Trung tâm VH-TT Quận 6; Trung tâm TDTT Quận 10 và Quận Bình Thạnh
6	Bóng rổ	26/02 - 19/3/2023	Nhà thi đấu TDTT Phú Thọ
7	Bơi	06 - 11/3/2023	CLB Bơi lội Phú Thọ
8	Cầu lông	05 - 15/01/2023	Nhà tập luyện Thể thao Phú Thọ
9	Cầu mây	24/02 - 06/3/2023	Trung tâm VH-TT Quận 6
10	Cờ tướng	04 - 19/3/2023	Trung tâm TDTT Quận 1
11	Cờ vua	05 - 20/11/2022	Trung tâm TDTT Quận 1
12	Cử tạ	22 - 24/02/2023	Nhà thi đấu TDTT Phú Thọ
13	Đá cầu	10 - 20/3/2023	Trung tâm VH-TT Quận 6
14	Đẩy gậy	24 - 27/11/2022	Trung tâm TDTT Huyện Nhà Bè
15	Điền kinh	02 - 08/01/2023	Trường THPT chuyên NK TDTT Nguyễn Thị Định
16	Futsal	05/4 - 10/5/2023	Trung tâm TDTT Quận 8; Trường chuyên NK TDTT Nguyễn Thị Định
17	Judo	24 - 26/02/2023	Trung tâm VH-TT Quận Tân Bình
18	Karate	Học kỳ II	Thông báo sau
19	Kéo co	01 - 04/12/2022	Trung tâm VH-TT Quận 11
20	Pencak Silat	14 - 19/02/2023	Trung tâm TDTT Quận Gò Vấp
21	Petanque	02 - 10/3/2023	Trung tâm HL&TĐ TDTT
22	Quần vợt	07 - 14/01/2023	CLB Quần vợt Phú Thọ
23	Taekwondo	03 - 12/3/2023	Trường THPT chuyên NK TDTT Nguyễn Thị Định
24	Thể dục Aerobic, Thể dục cổ động	18 - 19/3/2023	Trung tâm TDTT Quận 4
25	Việt dã	23/4/2023	Trung tâm TDTT Quận 1
26	Võ cổ truyền	25 - 28/11/2022	Trung tâm VH-TT Quận 7
27	Vovinam	09 - 17/3/2023	Nhà thi đấu TDTT Phú Thọ
28	Wushu	16 - 19/3/2023	Nhà tập luyện Thể thao Phú Thọ

Thông giải và Biểu tượng

	GIẢI THỂ THAO HỌC SINH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH NĂM HỌC 2021 – 2022	
Vị trí các Logo		Logo thể thao học đường
		
Vị trí các nhà tài trợ		
MÔN: HÌNH NỀN MÔN THỂ THAO THI ĐẤU <i>(Hình chìm môn thể thao tổ chức)</i>		
Thời gian: Địa điểm:		

Biểu Tượng Giải Thể thao học sinh Thành phố Hồ Chí Minh Năm học 2022 - 2023



Xanh lá: C100, Y 100
 Xanh dương: C100
 Vàng: Y100
 Đỏ: M100 Y100
 Đen: K100

THE UNIVERSITY OF CHICAGO

DEPARTMENT OF THE HISTORY OF ARTS

STUDY OF THE ARTS

THE UNIVERSITY OF CHICAGO PRESS

THE UNIVERSITY OF CHICAGO PRESS

THE UNIVERSITY OF CHICAGO PRESS

THE UNIVERSITY OF CHICAGO PRESS

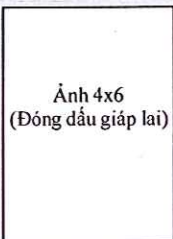
THE UNIVERSITY OF CHICAGO PRESS

TRƯỜNG:
TP THỦ ĐỨC, QUẬN, HUYỆN:



Mẫu 2

PHIẾU THI ĐẤU
GIẢI THỂ THAO HỌC SINH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
NĂM HỌC 2022 - 2023



Ảnh 4x6
(Đóng dấu giáp lai)

Họ và tên:
Học sinh lớp:
Ngày sinh:
Học lực:
Địa chỉ thường trú:
Môn thể thao thi đấu:

Nam: ☐ Nữ: ☐

Nơi sinh:
Hạnh kiểm:

Chữ ký học sinh

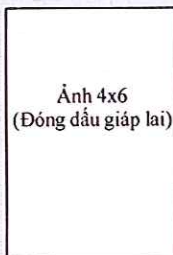
HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG:
TP THỦ ĐỨC, QUẬN, HUYỆN:



Mẫu 2

PHIẾU THI ĐẤU
GIẢI THỂ THAO HỌC SINH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
NĂM HỌC 2022 - 2023



Ảnh 4x6
(Đóng dấu giáp lai)

Họ và tên:
Học sinh lớp:
Ngày sinh:
Học lực:
Địa chỉ thường trú:
Môn thể thao thi đấu:

Nam: ☐ Nữ: ☐

Nơi sinh:
Hạnh kiểm:

Chữ ký học sinh

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu 3

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 202...

DANH SÁCH ĐĂNG KÝ THAM DỰ
GIẢI THỂ THAO HỌC SINH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH NĂM HỌC 2022 - 2023

Môn:

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Trường	Nội dung đăng ký thi đấu				
1											
2											
3											
4											
5											
6											
7											

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

TRƯỞNG PHÒNG
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Danh sách có thể do Trung tâm TDTT/VHTT/VHTTTT thành phố Thủ Đức và các quận, huyện thực hiện, tùy theo sự phân công của Ban Chỉ đạo TTHS quận, huyện

BAN TỔ CHỨC GIẢI TTHS TPHCM
MÔN:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu 4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 202...

THÔNG KÊ SỞ LIỆU TỔ CHỨC
GIẢI THIỂ THAO HỌC SINH THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2022 - 2023
(Kèm theo Báo cáo của Bộ môn)

I. Số lượng tham dự

TT	TP Thủ Đức, quận, huyện	Số học sinh tham dự			Thành tích			Hạng toàn đoàn
		Tổng cộng	Nam	Nữ	Vàng	Bạc	Đồng	
1								
2								
3								
...								
	Tổng cộng							

II. Kết quả chi tiết

TT	Tên học sinh	Năm sinh			Giới tính	Nơi sinh	Lớp	Trường	TP Thủ Đức, quận, huyện	Nội dung	Hạng
		Ngày	Tháng	Năm							
1											
2											
3											
4											
...											

(Theo từng nội dung)

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO

Số: /TB-SVHTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 202...

THÔNG BÁO

Kết quả chi tiết Giải Thể thao học sinh Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2022 - 2023, môn ...

TT	Tên VĐV	Năm sinh			Nơi sinh	Lớp	Cấp học	Trưởng	TP Thủ Đức, quận, huyện	Nội dung	Hạng
		Ngày	Tháng	Năm							
1										(Theo từng nội dung)	Nhất
2											Nhì
3											Ba
4											
...											

TM. BAN TỔ CHỨC GIẢI
TRƯỞNG BAN TỔ CHỨC
(Ký tên)

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
(Ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Sở VH TT (để báo cáo);
- Sở GDĐT (để báo cáo);
- Các đơn vị tham dự;
- Lưu VT.

1891

1891

1891

1891

1891

1891

1891

ỦY BAN NHÂN DÂN
TRUNG TÂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 202.....

PHỤ LỤC THÔNG KÊ SỔ LIỆU
GIẢI THỂ THAO HỌC SINH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH NĂM HỌC 2022 - 2023

(Kèm theo Báo cáo số /BC-TDĐT ngày ... tháng ... năm ... của Trung tâm TP Thủ Đức, quận, huyện)

TT	TÊN TRƯỜNG	Tổng số học sinh	GIẢI TTHS CẤP TRƯỜNG			GIẢI TTHS CẤP THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC VÀ CÁC QUẬN, HUYỆN						GIẢI TTHS CẤP THÀNH PHỐ					
			Số học sinh TD	Số môn tổ chức	Liệt kê tên môn	Số học sinh TD	Số môn	Liệt kê tên môn	Tổng thành tích			Số học sinh TD	Số môn	Liệt kê tên môn	Tổng thành tích		
A	Tiểu học							Liệt kê tên môn	Tổng thành tích			Số học sinh TD	Số môn	Liệt kê tên môn	Tổng thành tích		
1									Vàng	Bạc	Đồng				Vàng	Bạc	Đồng
2																	
B	Trung học cơ sở																
1																	
2																	
C	Trung học phổ thông																
1																	
2																	
Tổng cộng																	

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

1. The first part of the paper is devoted to the study of the properties of the function $f(x)$ defined by the equation

$$f(x) = \int_0^x \frac{1}{1+t^2} dt$$

and to the investigation of its behavior as $x \rightarrow \infty$.

In the second part we shall consider the problem of the construction of the function $f(x)$ from its values at the points of a certain set.

Table 1		Table 2	
x	$f(x)$	x	$f(x)$
0	0	1	0.5
1	0.5	2	0.462
2	0.462	3	0.447
3	0.447	4	0.437
4	0.437	5	0.431
5	0.431	6	0.427
6	0.427	7	0.424
7	0.424	8	0.422
8	0.422	9	0.421
9	0.421	10	0.420
10	0.420	11	0.419
11	0.419	12	0.418
12	0.418	13	0.417
13	0.417	14	0.416
14	0.416	15	0.415
15	0.415	16	0.414
16	0.414	17	0.413
17	0.413	18	0.412
18	0.412	19	0.411
19	0.411	20	0.410
20	0.410	21	0.409
21	0.409	22	0.408
22	0.408	23	0.407
23	0.407	24	0.406
24	0.406	25	0.405
25	0.405	26	0.404
26	0.404	27	0.403
27	0.403	28	0.402
28	0.402	29	0.401
29	0.401	30	0.400
30	0.400	31	0.399
31	0.399	32	0.398
32	0.398	33	0.397
33	0.397	34	0.396
34	0.396	35	0.395
35	0.395	36	0.394
36	0.394	37	0.393
37	0.393	38	0.392
38	0.392	39	0.391
39	0.391	40	0.390
40	0.390	41	0.389
41	0.389	42	0.388
42	0.388	43	0.387
43	0.387	44	0.386
44	0.386	45	0.385
45	0.385	46	0.384
46	0.384	47	0.383
47	0.383	48	0.382
48	0.382	49	0.381
49	0.381	50	0.380
50	0.380	51	0.379
51	0.379	52	0.378
52	0.378	53	0.377
53	0.377	54	0.376
54	0.376	55	0.375
55	0.375	56	0.374
56	0.374	57	0.373
57	0.373	58	0.372
58	0.372	59	0.371
59	0.371	60	0.370
60	0.370	61	0.369
61	0.369	62	0.368
62	0.368	63	0.367
63	0.367	64	0.366
64	0.366	65	0.365
65	0.365	66	0.364
66	0.364	67	0.363
67	0.363	68	0.362
68	0.362	69	0.361
69	0.361	70	0.360
70	0.360	71	0.359
71	0.359	72	0.358
72	0.358	73	0.357
73	0.357	74	0.356
74	0.356	75	0.355
75	0.355	76	0.354
76	0.354	77	0.353
77	0.353	78	0.352
78	0.352	79	0.351
79	0.351	80	0.350
80	0.350	81	0.349
81	0.349	82	0.348
82	0.348	83	0.347
83	0.347	84	0.346
84	0.346	85	0.345
85	0.345	86	0.344
86	0.344	87	0.343
87	0.343	88	0.342
88	0.342	89	0.341
89	0.341	90	0.340
90	0.340	91	0.339
91	0.339	92	0.338
92	0.338	93	0.337
93	0.337	94	0.336
94	0.336	95	0.335
95	0.335	96	0.334
96	0.334	97	0.333
97	0.333	98	0.332
98	0.332	99	0.331
99	0.331	100	0.330

(continued)

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG THPT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 202

Tổng số lớp:

PHỤC LỤC THỐNG KÊ SỐ LIỆU
GIẢI THỂ THAO HỌC SINH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH NĂM HỌC 2022 - 2023
(Kèm theo Báo cáo số ... /BC-..... ngày ... tháng ... năm ... của Trường THPT TP Thủ Đức, quận, huyện)

TT	TÊN LỚP	Tổng số học sinh	GIẢI TTHS CẤP TRƯỜNG			GIẢI TTHS CẤP THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC VÀ CÁC QUẬN, HUYỆN						GIẢI TTHS CẤP THÀNH PHỐ					
			Số học sinh TD	Số môn tổ chức	Liệt kê tên môn	Số học sinh TD	Số môn	Liệt kê tên môn	Tổng thành tích			Số học sinh TD	Số môn	Liệt kê tên môn	Tổng thành tích		
1									V	B	Đ				V	B	Đ
2																	
3																	
4																	
5																	
6																	
...																	
Tổng cộng																	

HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 202

PHỤC LỤC THÔNG KÊ SỔ LIỆU

GIẢI THỂ THAO HỌC SINH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH NĂM HỌC 2022 - 2023

(Kèm theo Báo cáo số ... /BC-..... ngày ... tháng ... năm ... của Phòng Giáo dục và Đào tạo)

TT	TÊN TRƯỜNG	Tổng số học sinh	GIẢI TTHS CẤP TRƯỜNG			GIẢI TTHS CẤP THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC VÀ CÁC QUẬN, HUYỆN						GIẢI TTHS CẤP THÀNH PHỐ					
			Số học sinh TD	Số môn tổ chức	Liệt kê tên môn	Số học sinh TD	Số môn	Liệt kê tên môn	Tổng thành tích			Số học sinh TD	Số môn	Liệt kê tên môn	Tổng thành tích		
A	Tiêu học																
1																	
2																	
...																	
B	Trung học cơ sở																
1																	
2																	
...																	
Tổng cộng																	

TRƯỞNG PHÒNG

(Ký tên, đóng dấu)

1. The first part of the report is a general introduction to the subject of the study. It discusses the importance of the problem and the objectives of the research.

2. The second part of the report is a detailed description of the experimental methods used in the study. It includes information about the equipment, materials, and procedures.

3. The third part of the report is a presentation of the results of the study. It includes data, graphs, and tables that illustrate the findings.

4. The fourth part of the report is a discussion of the results and their implications. It compares the findings with previous research and discusses the significance of the results.

5. The fifth part of the report is a conclusion and summary of the study. It reiterates the main findings and provides a final statement on the research.

6. The sixth part of the report is a list of references and a bibliography. It includes citations for all the sources used in the study.

7. The seventh part of the report is an appendix containing supplementary information, such as additional data, figures, or tables.

8. The eighth part of the report is a final section that provides a brief overview of the entire study and its contributions to the field.

9. The ninth part of the report is a list of acknowledgments, thanking those who provided support and assistance during the research.

10. The tenth part of the report is a list of appendices, providing a detailed index of the supplementary information included in the study.